



Đắk Lắk, ngày 01 tháng 04 năm 2025

Về việc Báo cáo thường niên
năm 2024.

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn

- Mã chứng khoán: BSA
- Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại liên hệ: 0262.3 891 368 – Fax: 0262.3 891 348
- E-mail: srepek4a@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngày 01/04/2025, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đơn công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2024.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 01/04/2025 tại website: www.thuydienbuondon.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, P2.

Đại diện Tổ chức
Người được ủy quyền CBTT

Lê Thị Kiều Vi



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

Tháng 04/2025

**THÔNGIỆP
CỦA CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY CP THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**



**ÔNG VŨ THÀNH DANH
CHỦ TỊCH HĐQT**

Kính gửi: Quý Cổ đông

Năm 2024 là năm đánh dấu chặng đường 15 năm xây dựng và phát triển của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Với mục tiêu hoạt động ổn định, phát triển bền vững, gia tăng giá trị cho cổ đông và người lao động, tập thể Công ty liên tục đổi mới, sáng tạo trong tư duy, cập nhật kiến thức, kỹ thuật mới, phát huy tối đa sức mạnh tập thể, góp phần thực hiện tốt nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đề ra.

Trải qua 10 năm vận hành Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A, chúng ta gặp không ít những khó khăn, thách thức nhưng nhờ tinh thần đoàn kết của tập thể Công ty, cũng như sự tin tưởng, đồng hành của các Quý cổ đông và các đối tác, Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A đã vận hành an toàn và hiệu quả trong suốt chặng đường 10 năm vừa qua. Đó là thành tích của cả tập thể, thành tích của sự đoàn kết, tin tưởng và hợp tác.

Đặt lợi ích kinh tế song hành với bảo vệ môi trường và trách nhiệm xã hội. Trong nhiều năm qua, Công ty luôn tuân thủ các quy định về môi trường, đồng thời thường xuyên phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và cộng đồng dân cư nhằm tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về vai trò của thủy điện, cũng như bảo vệ môi trường nguồn nước. Nhận thức rõ hơn về tầm quan trọng của của doanh nghiệp đối với cộng đồng, tổ chức các hoạt động thiện nguyện, nhân đạo cải thiện đời sống cho bà con địa phương, tạo dựng cộng đồng đoàn kết, tạo ra các giá trị bền vững cho doanh nghiệp và xã hội.

Với tinh thần cầu tiến, sức mạnh đoàn kết, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn đã và đang tiếp tục phát huy vai trò của doanh nghiệp, hướng tới sự phát triển bền vững, góp phần ổn định xã hội và an sinh xã hội.

Kính chúc Quý cổ đông và tập thể BDHC sức khỏe, thành công và hạnh phúc.

Xin trân trọng cảm ơn!

MỤC LỤC

- **GIỚI THIỆU CÔNG TY**

- **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2024**

- **ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

- **ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



GIỚI THIỆU CÔNG TY

Thông tin khái quát

Ngành nghề và địa bàn
kinh doanh

Mô hình quản trị và cơ
cấu tổ chức

Định hướng phát triển

Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT



* Quản lý và vận hành Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A

* Tên giao dịch Quốc Tế: Buon Don Hydropower Joint Stock Company

* Tên viết tắt: BDHC

* Mã chứng khoán: BSA

* Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 6000884487

* Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 668.509.750.000 đồng

* Vốn điều lệ: 668.509.750.000 đồng



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công trình thủy điện Srêpôk 4A có công suất 64MW (2 tổ máy). Công trình có tuyến kênh dẫn và kênh xả dài 14km lấy nước trực tiếp từ nhà máy Srêpôk 4, đi qua địa bàn 3 xã Ea Wer, Ea Huar, Krông Na, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk. Lịch sử hình thành và phát triển của công trình thể hiện qua các mốc chính sau:



2024

Sau 10 năm vận hành, hàng năm nhà máy cung cấp nguồn năng lượng điện sạch khoảng 257 triệu kWh cho lưới điện quốc gia, hàng năm đóng góp cho ngân sách địa phương trên 70 tỷ đồng



2018

Ngày 27/01/2018 Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A cán mốc sản lượng 01 tỷ kWh.



2015

Tháng 04/2015 trở thành Công ty đại chúng theo quy định của Luật chứng khoán



2014

Tháng 01/2014 hòa lưới TM2 vào hệ thống điện Quốc Gia



2013

Ngày 20/7/2013 hoàn thiện toàn bộ công tác lắp đặt trạm phân phối, trạm biến áp hòa vào lưới điện 220 KV.
Ngày 26/11/2013 hoàn thiện toàn bộ kênh dẫn nước, kênh xả, cụm nhà máy thủy điện và các công trình trên kênh đủ điều kiện thông nước phục vụ cho công tác thử nghiệm thiết bị.
Ngày 25/12/2013 hòa lưới TM1 vào hệ thống điện Quốc Gia



2010

Ngày 03/02/2010 Công ty được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp giấy chứng nhận đầu tư.
Ngày 16/4/2010 dự án được UBND huyện Buôn Đôn cấp giấy phép xây dựng.
Ngày 24/5/2010 dự án được Chính phủ ký bổ sung vào quy hoạch điện VI.
Ngày 24/11/2010 Ký kết hợp đồng xây dựng cụm công trình khu vực nhà máy, cũng trong tháng 11 dự án chính thức được khởi công xây dựng.



2009

Thành lập Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn.
Ngày 27/5/2009 dự án Thủy điện Srêpôk 4A được Bộ Công thương thẩm định thiết kế cơ sở.
Ngày 06/8/2009 HĐQT Công ty ký quyết định phê duyệt đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A

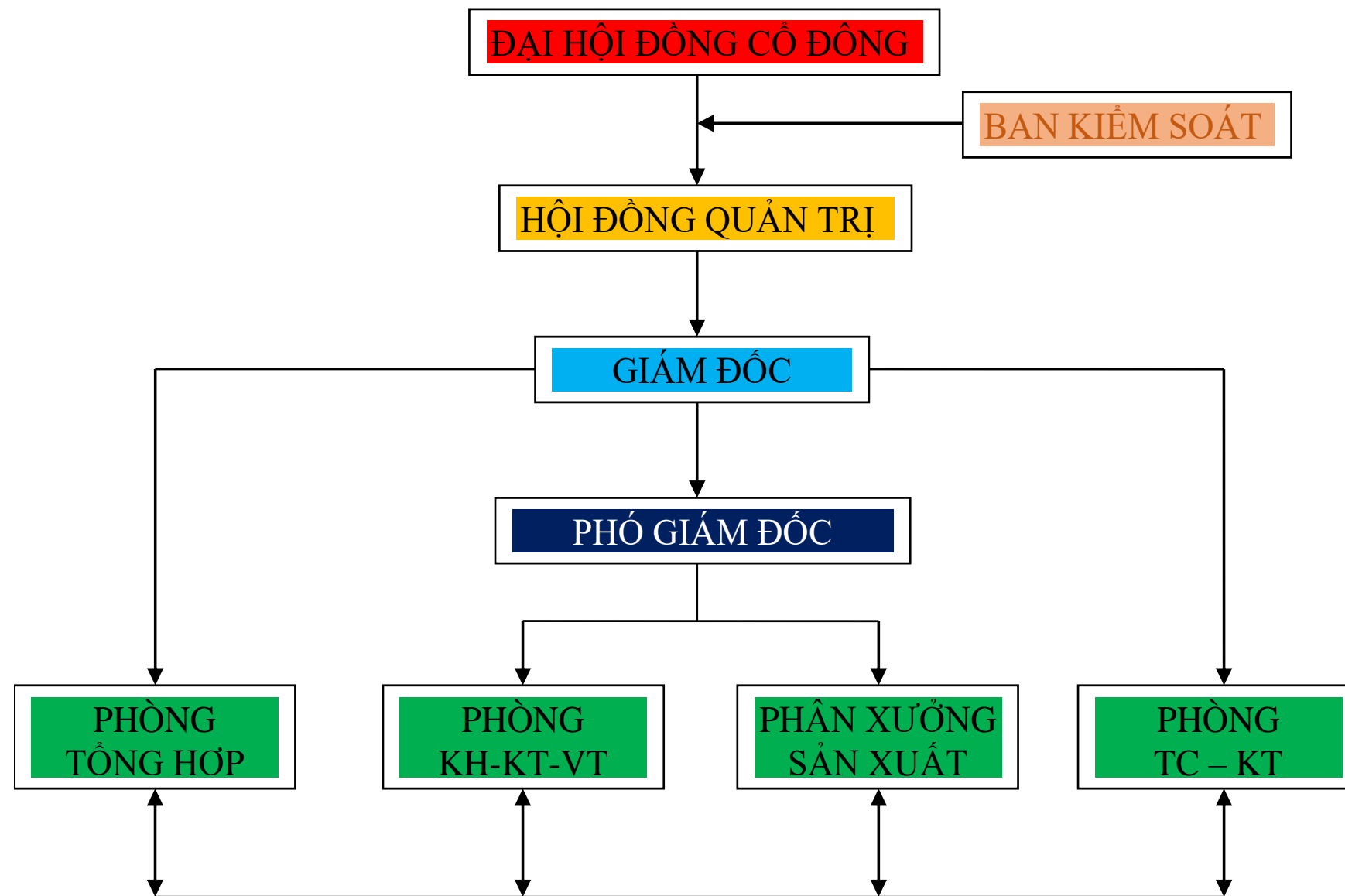
NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

**Ngành nghề
kinh doanh chính:**
Sản xuất điện

Địa bàn kinh doanh:
Công ty vận hành Nhà máy
thủy điện Srêpôk 4A đặt tại
xã Krông Na, huyện Buôn
Đôn, tỉnh Đắk Lắk.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ CƠ CẤU TỔ CHỨC



→ Quan hệ chỉ đạo, điều hành
↔ Quan hệ phối hợp, hướng dẫn

Công ty được tổ chức theo mô hình Công ty cổ phần hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG (ĐHĐCĐ):** Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (HĐQT):** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- **BAN KIỂM SOÁT (BKS):** Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.
- **BAN GIÁM ĐỐC (BGĐ):** Là cơ quan điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

CÔNG TY CỔ PHẦN

CỔ ĐÔNG LỚN

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4

Địa chỉ: 11 Hoàng
Hoa Thám, TP Nha
Trang, tỉnh Khánh
Hòa

**Lĩnh vực sản xuất và
kinh doanh chính:** Khảo
sát, tư vấn quy hoạch, thiết
kế hệ thống điện, giải pháp
đáp ứng chất lượng điện
năng Hệ thống điện trong
vận hành, bảo dưỡng.

Vốn góp:
207.241.820.000 đồng

**Tỷ lệ sở hữu của
công ty tại Công ty
Cổ phần Thủy
điện Buôn Đôn:**
31%

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Địa chỉ: Phường
Phả Lại, Thị xã Chí
Linh, tỉnh Hải
Dương

**Lĩnh vực sản xuất và
kinh doanh chính:**
Sản xuất điện năng
từ nhiên liệu than
thiên nhiên

Vốn góp:
100.278.300.000
đồng

**Tỷ lệ sở hữu của
công ty tại Công ty
Cổ phần Thủy
điện Buôn Đôn:**
15%

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Địa chỉ: Khu Phố
Hương Giang, Phường
Long Hương, Thành
Phố Bà Rịa, Tỉnh Bà Rịa
Vũng Tàu.

**Lĩnh vực sản xuất và kinh
doanh chính:** Sản xuất và
kinh doanh điện năng; Quản
lý vận hành bảo dưỡng, sửa
chữa, thí nghiệm hiệu chỉnh,
cải tạo thiết bị điện, các công
trình điện, các công trình
kiến trúc nhà máy điện.

Vốn góp:
167.130.500.000
đồng

**Tỷ lệ sở hữu của
công ty tại Công ty
Cổ phần Thủy
điện Buôn Đôn:**
25%

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2

Địa chỉ: 32 Ngô
Thời Nhiệm,
Phường 7, Quận 3,
TP. Hồ Chí Minh

**Lĩnh vực sản xuất và kinh
doanh chính:** Khảo sát,
thiết kế, giám sát và quản lý
xây dựng các dự án nguồn
điện và lưới điện

Vốn góp:
33.426.090.000
đồng

**Tỷ lệ sở hữu của
công ty tại Công ty
Cổ phần Thủy
điện Buôn Đôn:**
5%

Ông Nguyễn Văn Luận

Cổ đông cá nhân

Địa chỉ: Số 11- Lô
 $\frac{3}{4}$, 151 Nguyễn Đức
Cảnh, phường
Tương Mai, quận
Hoàng Mai, Hà Nội

Vốn góp:
62.056.220.000
đồng

**Tỷ lệ sở hữu của
công ty tại Công ty
Cổ phần Thủy
điện Buôn Đôn:**
9,3%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU:

- Vận hành Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu suất phát điện tạo ra giá trị sản lượng cao nhất;
- Không ngừng xây dựng, nâng cao năng lực chuyên môn phục vụ cho công tác vận hành an toàn.
- Đổi mới quản trị doanh nghiệp; tối ưu hóa chi phí; ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực để nâng cao hiệu quả sxkd.
- Đảm bảo ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

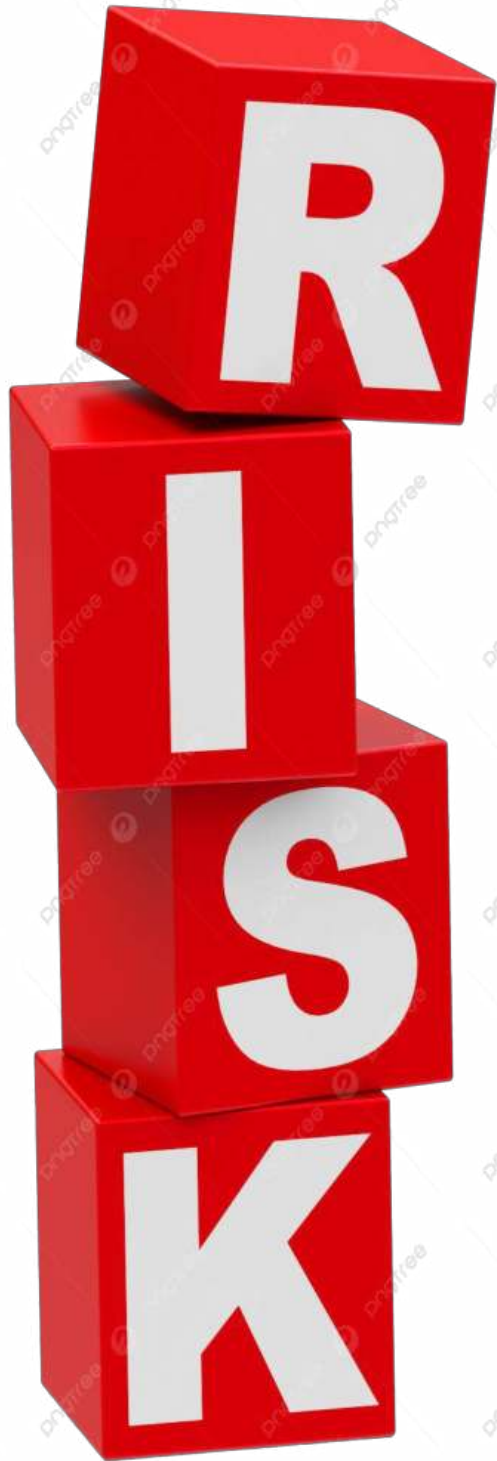
CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN:

- Quản lý và vận hành nhà máy thủy điện đảm bảo ổn định, liên tục, an toàn và tin cậy.
- Phát huy mọi nguồn lực có sẵn để duy trì sự ổn định và nâng cao năng lực sản xuất.
- Nghiên cứu mở rộng quy mô, đầu tư phát triển ngành nghề kinh doanh đặc biệt có thể mạnh là đầu tư và xây dựng các dự án điện.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- BDHC luôn hướng đến sự phát triển bền vững, hướng đến một công ty uy tín về đầu tư, quản lý, thực hiện các dự án nguồn điện; Các dịch vụ đào tạo phát triển nguồn nhân lực về quản lý vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa các nhà máy thủy điện. Sự phát triển Công ty luôn gắn liền với việc bảo vệ môi trường.

CÁC RỦI RO



☞ **Rủi ro pháp luật, rủi ro chính sách**

BDHC là công ty đại chúng, hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thủy điện nên quá trình sản xuất kinh doanh bị chi phối bởi rất nhiều văn bản pháp luật từ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các luật thuế ... đến nhiều bộ luật chuyên ngành như Luật điện lực, Luật thủy lợi, Luật khí tượng thủy văn, Luật tài nguyên nước... Công ty luôn phải đối mặt với rủi ro pháp lý phát sinh trong quá trình tuân thủ các thay đổi quy định của pháp luật.

Mặt khác, các cơ quan quản lý luôn điều chỉnh chính sách nhằm phù hợp với sự vận động của xã hội. Việc điều chỉnh chính sách về giá phát điện, tham gia thị trường điện cạnh tranh, chính sách về tài chính tín dụng... khiến Công ty có thể gặp các rủi ro như giảm giá bán điện, tăng lãi suất vay vốn dẫn đến sụt giảm kết quả SXKD.

BDHC cần thường xuyên cập nhật thông tin, thiết lập hành lang pháp lý chặt chẽ và khoa học để tránh vi phạm pháp luật, ảnh hưởng đến hoạt động SXKD và hình ảnh của Công ty.

☞ **Rủi ro thời tiết**

Điều kiện thời tiết là rủi ro chủ yếu và có ảnh hưởng nhất đến Công ty hoạt động trong lĩnh vực thủy điện.

Với đặc thù công trình không có hồ điều tiết, Công ty không chủ động được trong công tác vận hành sản xuất theo kế hoạch đề ra do phụ thuộc hoàn toàn vào lưu lượng nước về từ các hồ thủy điện bậc trên và nguồn nước này lệ thuộc hoàn toàn vào điều kiện thiên nhiên.

Ngoài ra các thiên tai khác như mưa lớn có thể gây thiệt hại sự cố trong phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

☞ **Rủi ro vận hành**

Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A bước vào năm thứ mười kể từ khi các tổ máy bắt đầu vận hành thương mại cho tới nay. Với chu kỳ mười năm vận hành, nhiều thiết bị đã có hiện tượng xuống cấp, hỏng hóc. Mặt khác, với sự thay đổi cơ cấu nguồn phát lên lưới điện nên với thời gian khởi động nhanh, nhà máy phải lên xuống máy thường xuyên để đáp ứng tần số lưới. Đây cũng là nguyên nhân làm tăng nguy cơ hỏng hóc các thiết bị, xảy ra các sự cố khách quan trong quá trình vận hành

Để hạn chế được điều này, Công ty đã xây dựng các biện pháp quản lý kỹ thuật như lập kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị định kỳ thường xuyên, chuẩn bị thiết bị dự phòng nhằm đảm bảo công việc diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

CÁC RỦI RO



☞ **Rủi ro an toàn lao động**

Thủy điện là ngành nghề có nguy cơ cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp theo quy định của [BLĐTBXH](#). Vì vậy, vấn đề an toàn lao động là yếu tố cần được quan tâm hàng đầu. Nhằm hạn chế tối đa các rủi ro này, Công ty luôn đáp ứng đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; đồng thời mua sắm, trang bị các phương tiện bảo vệ cá nhân trong lao động; xây dựng, triển khai, thực hiện tuân thủ triệt để các quy trình, tài liệu kỹ thuật an toàn trong quá trình vận hành.

☞ **Rủi ro cháy nổ**

Yếu tố rủi ro cháy nổ xảy ra ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Phòng cháy chữa cháy là vấn đề được Công ty quan tâm, chú trọng. Hằng năm, Công ty thường tổ chức các buổi tập huấn về an toàn cháy nổ cho nhiều đối tượng khác nhau để nâng cao kiến thức cũng như tinh thần cảnh giác với các tình huống hỏa hoạn có thể xảy ra.

Ngoài ra Công ty ký Hợp đồng Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc mọi rủi ro tài sản theo quy định nhằm hạn chế rủi ro khi sự kiện không may xảy ra.

☞ **Các rủi ro khác**

Bên cạnh những rủi ro đã đề cập ở trên, còn có nhiều yếu tố rủi ro xảy ra mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như hỏa hoạn, cháy nổ, động đất. Những rủi ro này nếu xảy ra sẽ gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của đơn vị.

Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó kịp thời cũng như tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho cán bộ công nhân lao động nhằm nâng cao ý thức, giảm thiểu thiệt hại về người và của.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

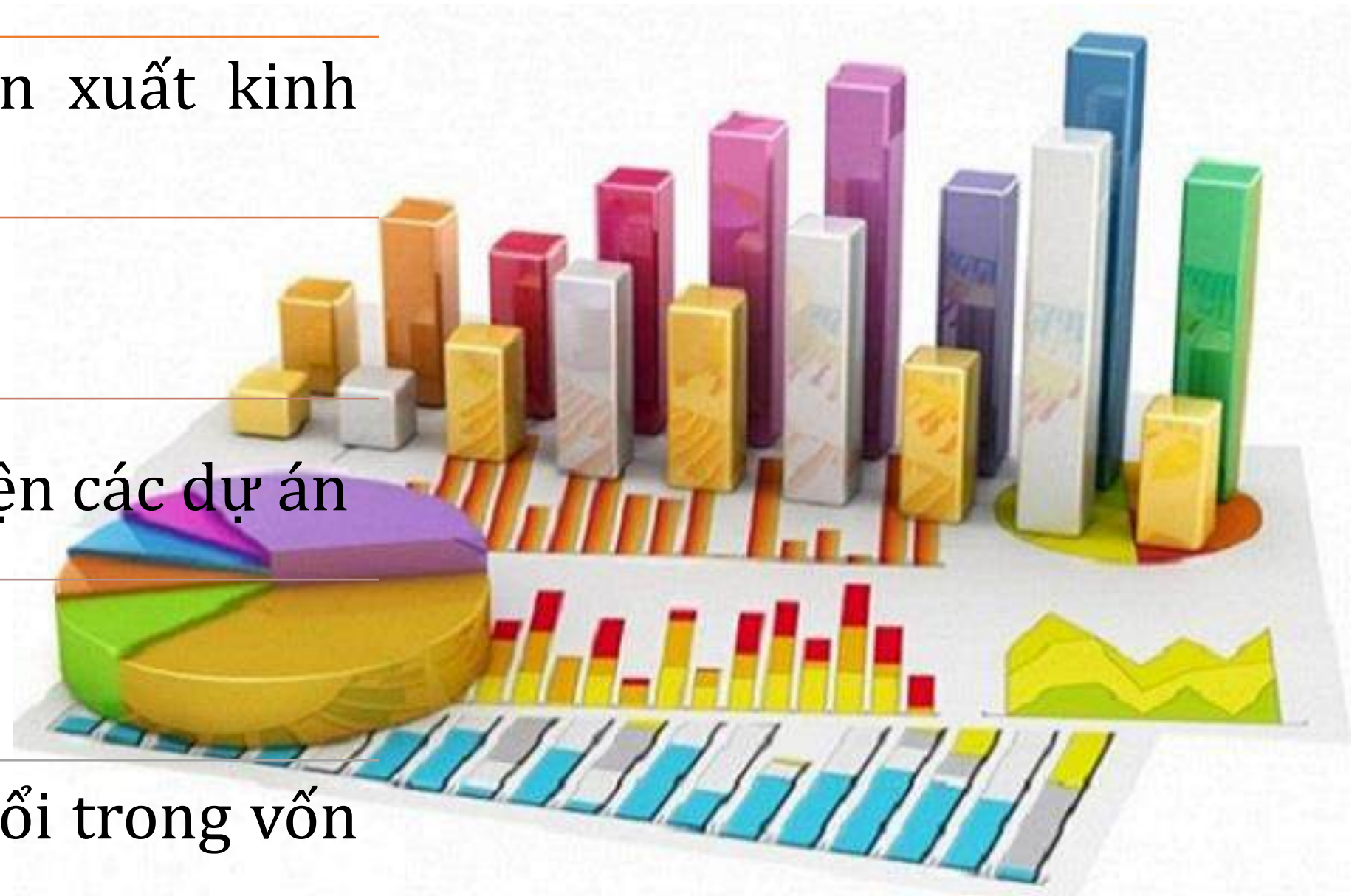
Tổ chức nhân sự

Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

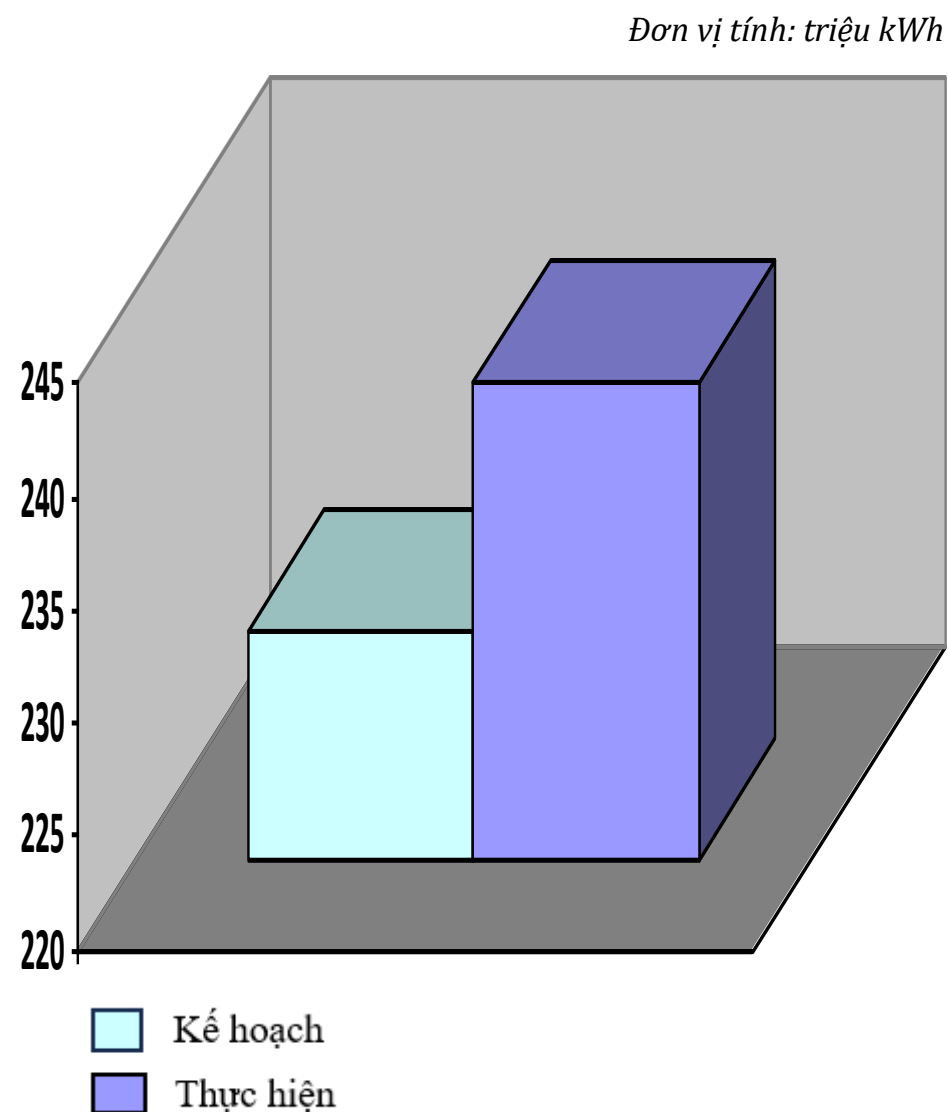
Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH



Sản lượng điện năm 2024

Tình hình tài chính năm 2024

Thời tiết năm 2024 có nhiều diễn biến bất lợi, các hiện tượng thời tiết cực đoan khó lường trước được. Hiện tượng El Nino đã xuất hiện từ giữa năm 2023, duy trì đến tháng 5/2024 và chuyển sang giai đoạn trung tính trong khoảng tháng 6 đến tháng 8. Sau đó, chuyển đột ngột sang La Nina vào những tháng cuối năm. Tổng sản lượng phát điện năm 2024 đạt 241,04 triệu kWh, vượt 11 triệu kWh so với kế hoạch năm.

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ
1	Tổng doanh thu	282.830	300.679	106%
2	Tổng chi phí	228.761	225.588	99%
3	Lợi nhuận trước thuế	54.069	75.092	139%
4	Lợi nhuận sau thuế	51.365	70.313	137%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân (CP)	Số cổ phần đại diện (CP)	Ghi chú
01	Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch HĐQT không điều hành	199.556	-	
02	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành	-	20.724.182	NĐD phần vốn của Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4
03	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên HĐQT không điều hành	349	16.713.050	NĐD phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa
05	Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	-	10.027.830	NĐD phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
06	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT không điều hành	6.205.622	-	Cổ đông cá nhân

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÝ LỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG VŨ THÀNH DANH CHỦ TỊCH HĐQT (Nhiệm kỳ 2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	19/08/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	78/37 Tuệ Tĩnh – Nha Trang - Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính – Tín dụng Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1988	



**ÔNG LÊ HOÀNG TRIỀU - THÀNH VIÊN HĐQT
(Nhiệm kỳ 2024-2029)**

Ngày tháng năm sinh	12/4/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Cư xá B, Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa, KP. Hương Tân, P. Long Hương, Bà Rịa, Bà Rịa – Vũng Tàu
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư hệ thống điện Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1993	



**ÔNG TRỊNH HOÀNG NHÂN - THÀNH VIÊN HĐQT
(Nhiệm kỳ 2024-2027)**

Ngày tháng năm sinh	28/10/1979
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Phả Lại - Chí Linh - Hải Dương
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Tài chính Ngân hàng Thạc sỹ Quản lý kinh tế
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2001	



**ÔNG HỒ NAM KHÁNH - THÀNH VIÊN HĐQT
(Nhiệm kỳ 2024-2029)**

Ngày tháng năm sinh	14/5/1980
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	6/26 Nguyễn Thiện Thuật, Tân Lập, Nha Trang, Khánh Hòa
Trình độ chuyên môn	Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2003	



**ÔNG NGUYỄN VĂN LUẬN - THÀNH VIÊN HĐQT
(Nhiệm kỳ 2024-2029)**

Ngày tháng năm sinh	08/12/1964
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Số 11- Lô ¾, 151 Nguyễn Đức Cảnh, phường Tương Mai, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ chuyên môn	Ông có 20 năm kinh nghiệm trong công tác quản trị, kinh doanh các thiết bị ngành điện
Ông là cổ đông cá nhân, tham gia HĐQT với tư cách là ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn nhiệm kỳ (2024-2029)	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu cá nhân (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	65.441	0,10%
02	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	32.392	0,05%
03	Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	-	-



**BAN KIỂM SOÁT
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

**LÝ LỊCH
BAN KIỂM SOÁT**



**BÀ NGUYỄN THỊ THANH HOA
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ (2024-2029)**

Ngày tháng năm sinh 02/06/1976

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 26/12 Cao Bá Quát, P. Phước Tân,
Nha Trang

Trình độ chuyên môn Cử nhân kinh tế - Khoa Kế toán

Bà tham gia vào ngành điện từ năm 1999



ÔNG PHẠM QUỐC THÁI - THÀNH VIÊN BKS
Nhiệm kỳ (2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	19/04/1969
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	Khu phố Hương Tân, P. Long Hương, BR-VT
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kế hoạch hóa kinh tế quốc dân; Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 1993	



BÀ TRẦN TUYẾT LOAN - THÀNH VIÊN BKS
Nhiệm kỳ (2024-2029)

Ngày tháng năm sinh	02/05/1978
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	2249-KP6, Lê Lợi, Phước Hiệp, BRVT
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Bà tham gia vào ngành điện từ năm 2003	

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ (%)
1	Trương Hải Quang	Giám đốc	-	-
2	Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	8	-
3	Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	-	-

Những thay đổi trong Ban giám đốc Công ty trong năm: Trong năm 2024, Ban giám đốc Công ty không có thay đổi nhân sự nào.

**BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN**

LÝ LỊCH BAN GIÁM ĐỐC

ÔNG TRƯỞNG HẢI QUANG GIÁM ĐỐC



Ngày tháng năm sinh 06/4/1982

Quốc tịch Việt Nam

Địa chỉ thường trú 09 Hoàng Văn Thụ, TP. Buôn Ma Thuột,
Đắk Lắk

Trình độ chuyên môn

- Kỹ sư điện khí hóa và cung cấp điện
- Cử nhân quản trị kinh doanh

Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2006



ÔNG PHAN QUANG VŨ
PHÓ GIÁM ĐỐC

Ngày tháng năm sinh	16/9/1982
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	235/20, Mai Hắc Đế, P. Tân Thành, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	- Kỹ sư Xây dựng thủy lợi – thủy điện, - Thạc sĩ Quản trị kinh doanh
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2005	



ÔNG PHẠM VĂN TÙNG
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày tháng năm sinh	31/8/1975
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	138/01/107 Ywang, Phường Ea Tam, TP. Buôn Ma Thuột, Đắk Lắk
Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế
Ông tham gia vào ngành điện từ năm 2009	



Số lượng cán bộ năm 2024

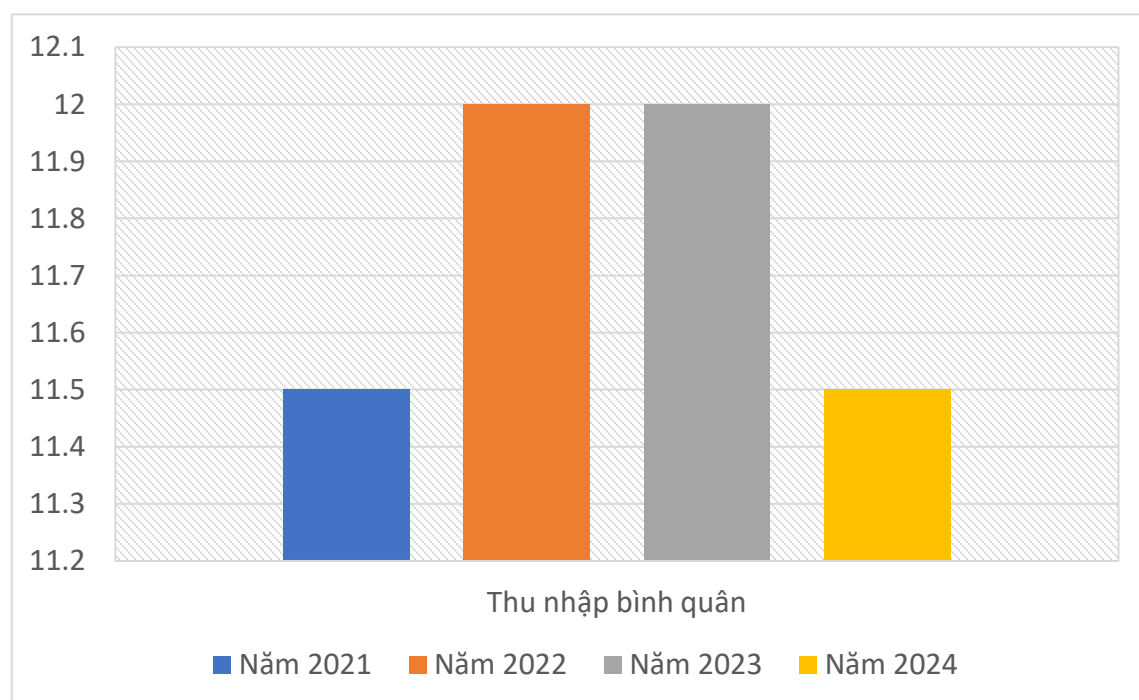
56 người



Thu nhập bình quân năm 2024

11,5 triệu đồng/người/tháng

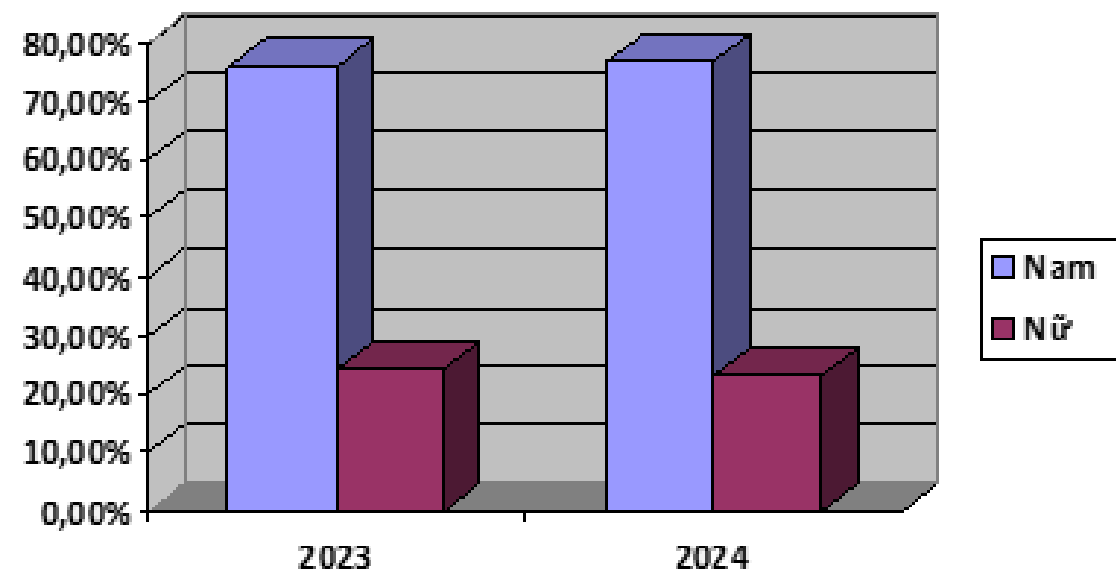
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.559.796	12.160.534	12.015.508	11.545.715



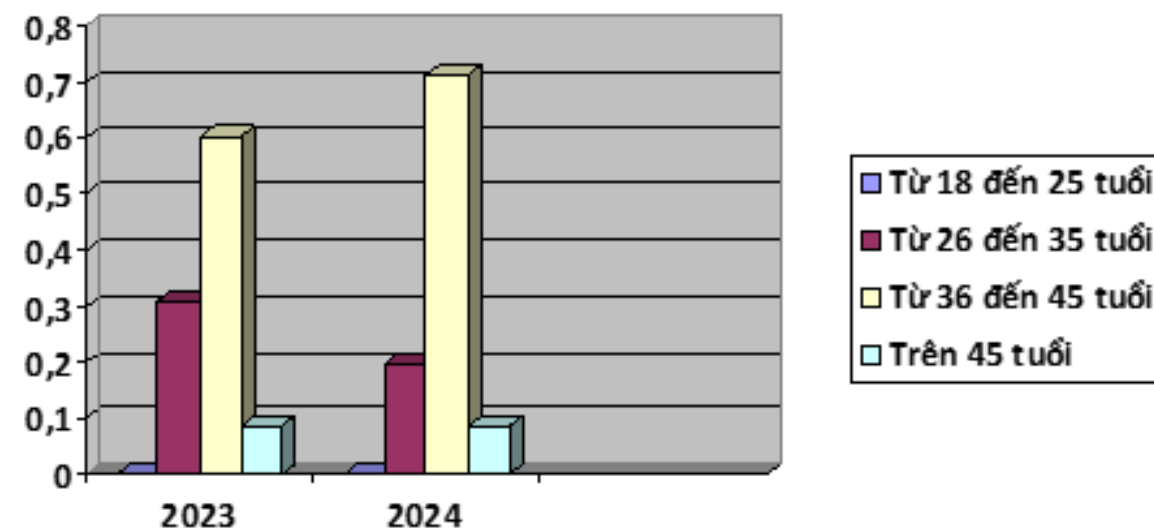
STT	Khoản mục	Năm 2023		Năm 2024	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Trình độ lao động	58	100%	56	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	27	46,6%	26	46,4%
2	Trình độ Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	3	5,2%	3	5,4%
3	Sơ cấp và công nhân kỹ thuật	23	39,7%	22	39,3%
4	Lao động phổ thông	5	8,6%	5	8,9%
II	Theo giới tính	58	100%	56	100%
1	Nam	44	75,9%	43	76,8%
2	Nữ	14	24,1%	13	23,2%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	58	100%	56	100%
1	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	4	6,9%	1	1,8%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	54	93,1%	55	98,2%
IV	Theo cấp quản lý	58	100%	56	100%
1	Quản lý cấp Công ty	3	5,2%	3	5,4%
2	Quản lý cấp Phòng, Phân xưởng	5	8,6%	6	10,7%
3	Quản lý cấp Tổ	5	8,6%	5	8,9%
4	Chuyên viên, nhân viên	45	77,6%	42	75,0%
V	Theo độ tuổi	58	122%	56	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	0	0,0%	0	0,0%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	18	53,5%	11	19,6%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	35	60,3%	40	71,4%
4	Trên 45 tuổi	5	8,6%	5	8,9%
Tổng cộng		58	100%	56	100%

Cơ cấu lao động:

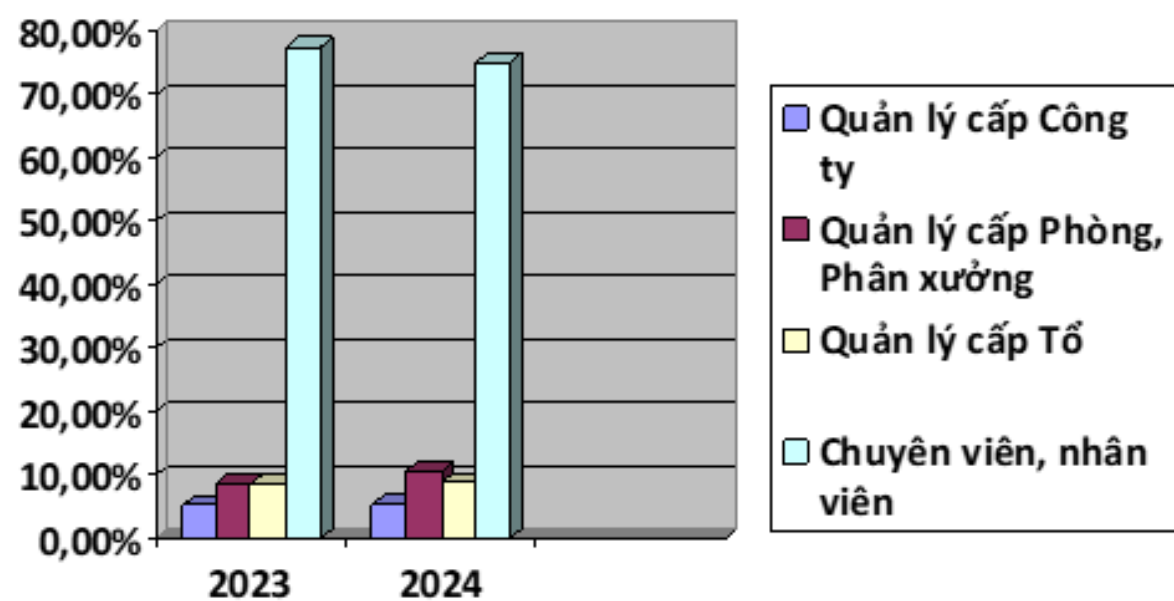
Giới tính



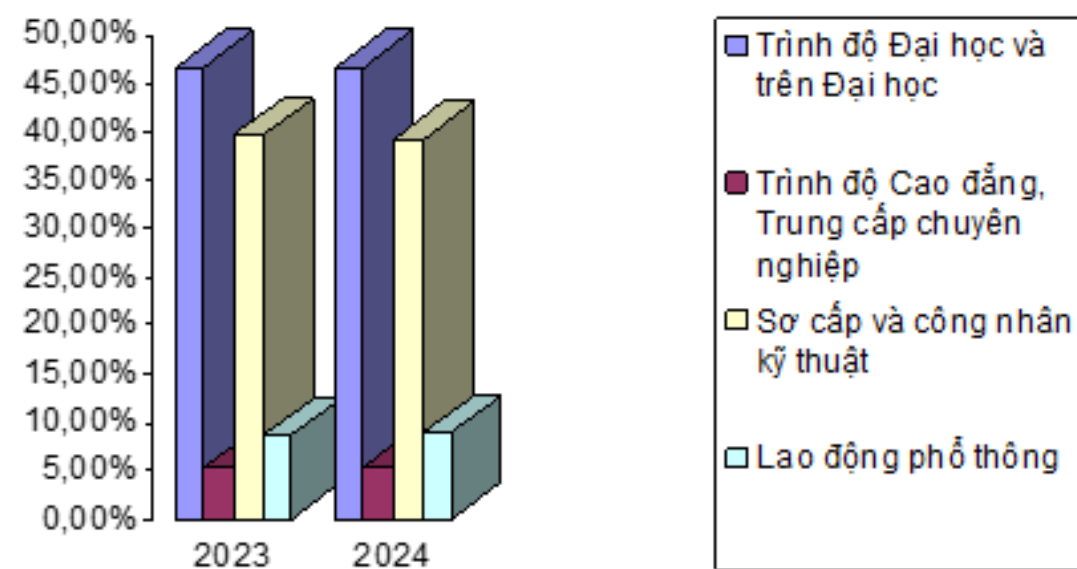
Độ tuổi lao động



Cấp quản lý



Trình độ lao động



CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Luôn cam kết và thực hiện các quyền lợi chính đáng cho Người lao động theo quy định hiện hành của pháp luật.

Luôn tạo điều kiện người lao động được phát triển năng lực phù hợp với bản thân, đáp ứng được các mục tiêu chiến lược phát triển của Công ty.

Chế độ lương, thưởng được xây dựng minh bạch, rõ ràng và hợp lý, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

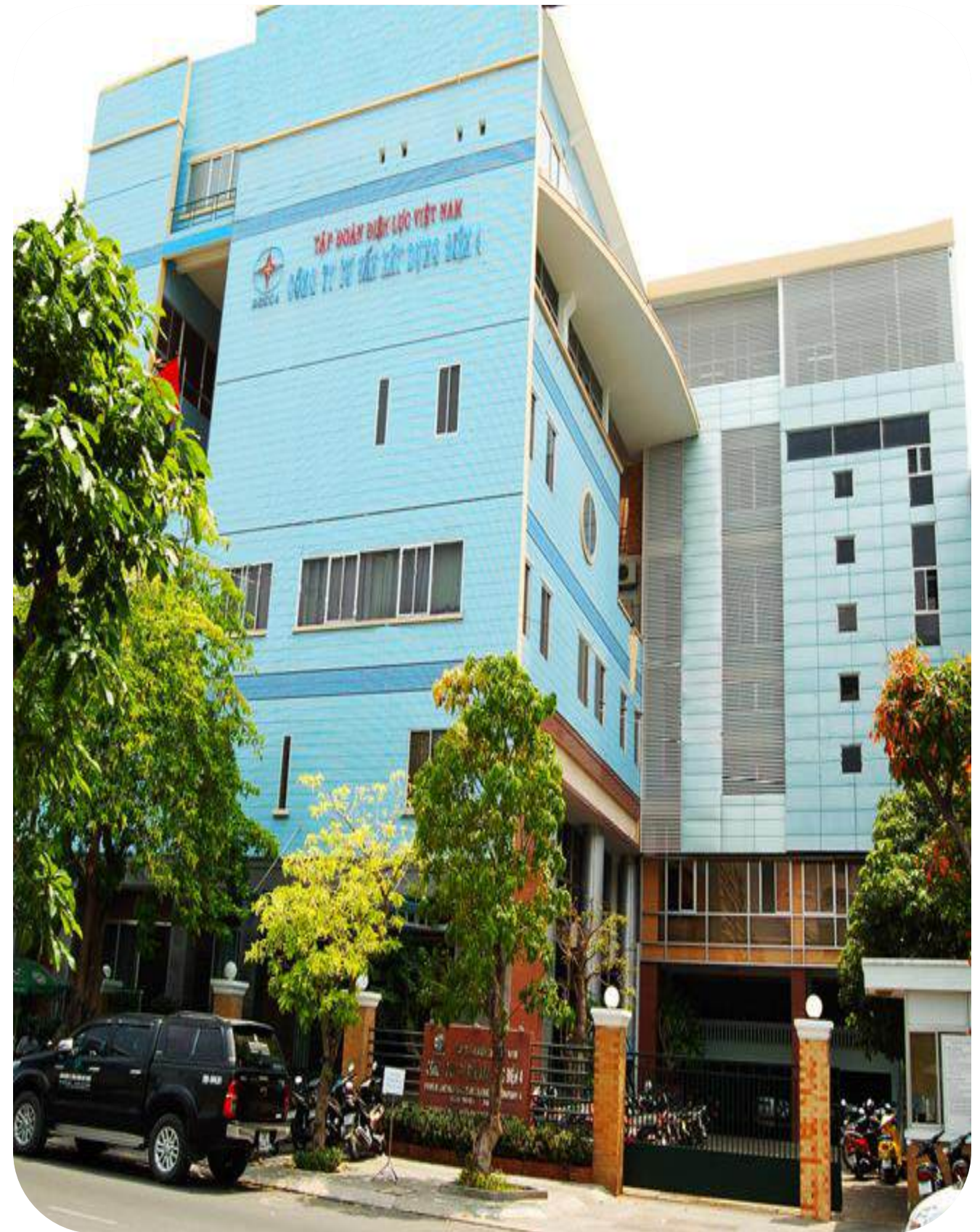
Có chính sách khen thưởng xứng đáng và kịp thời đối với tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong lao động, có sáng kiến cải tiến kỹ thuật giúp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả sản xuất kinh doanh.

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4 (Số liệu theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	So sánh với năm 2023 (%)
1	Tổng tài sản	373.910.469.174	374.528.673.573	100%
2	Doanh thu thuần	202.012.905.877	207.053.172.796	102%
3	Giá vốn bán hàng	141.017.962.996	154.898.832.908	110%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	24.124.870.361	23.252.783.867	96%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	48.610.719.238	40.828.519.240	84%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.509.094.004	34.251.358.303	94%
7	Lợi nhuận khác	(292.675.004)	(743.458.303)	254%
8	Lợi nhuận trước thuế	36.216.419.000	33.507.900.000	93%
9	Lợi nhuận sau thuế	32.757.796.650	30.684.748.003	94%



CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (Số liệu theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	So sánh với năm 2023 (%)
1	Tổng tài sản	1.457.404.100.582	1.271.614.713.384	87%
2	Doanh thu thuần	779.821.402.943	357.406.763.322	46%
3	Giá vốn bán hàng	767.355.160.395	343.887.575.072	45%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	102.746.717.365	74.353.344.239	72%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	42.587.060.440	43.923.289.591	103%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	72.625.899.473	43.949.242.898	61%
7	Lợi nhuận khác	270.367.944	(1.132.656.820)	(419%)
8	Lợi nhuận trước thuế	72.896.267.417	42.816.586.078	59%
9	Lợi nhuận sau thuế	71.821.405.002	42.816.586.078	60%





Đơn vị tính: Đồng

CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT



Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

(Số liệu theo báo cáo tài chính lũy
kế đến quý IV/2024)

STT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	So sánh với năm 2023 (%)
1	Tổng tài sản	5.777.917.928.994	5.531.189.651.448	96%
2	Doanh thu thuần	5.813.760.220.061	7.681.064.352.700	132%
3	Giá vốn bán hàng	5.777.306.693.477	7.450.972.765.224	129%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	464.407.804.783	326.675.392.336	70%
5	Chi phí bán hàng, quản lý doanh nghiệp, tài chính	116.016.685.531	149.347.260.272	129%
6	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	384.844.645.836	407.419.719.540	106%
7	Lợi nhuận khác	(2.455.701.777)	26.947.312.583	(1097%)
8	Lợi nhuận trước thuế	382.388.944.059	434.367.032.123	114%
9	Lợi nhuận sau thuế	380.102.277.161	424.069.652.646	112%

Đơn vị tính: Đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2023	31/12/2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,70	1,39
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,75	1,40
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,50	0,41
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,33	0,29
3. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	27,93	23,74
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	10,72	7,76
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	7,15	5,51

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	1.356.481.427.106	1.276.003.968.031	94%
Doanh thu thuần	344.150.881.725	296.141.935.115	86%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.120.050.059	4.537.484.392	145%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	101.950.548.063	75.216.276.737	74%
Thu nhập khác	17.727.750		0%
Lợi nhuận trước thuế	101.968.275.813	75.091.581.592	74%
Lợi nhuận sau thuế	96.995.724.301	70.312.807.346	72%
Cổ tức:	66.850.975.000	Kế hoạch: 15%	
Trong đó: Cổ tức bằng tiền mặt (10%)	66.850.975.000		

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

Các khoản đầu tư lớn: Không có

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần:

- Mệnh giá 1 cổ phiếu	10.000 đồng
- Số lượng cổ phiếu niêm yết	66.850.975 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ	0 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng	50.807.671 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu tự do chuyển nhượng	16.043.304 cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông theo loại hình:

Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nước ngoài	-	-	-
Tổ chức	-	-	-
Cá nhân	-	-	-
Trong nước	465	66.850.975	100
Tổ chức	4	50.807.671	76
Cá nhân	461	16.043.304	24
Tổng cộng:	465	66.850.975	100



Cơ cấu cổ đông theo tỷ lệ sở hữu nắm giữ trên 5%:

Tên cổ đông	Số đăng ký sở hữu	Ngày cấp	Quốc tịch	Số lượng cổ phiếu nắm giữ (CP)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 4	4200385474	Cấp lần đầu ngày 01/8/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 26/6/2023	Việt Nam	20.724.182	31
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	3500701305	Cấp lần đầu ngày 01/11/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 03/7/2019	Việt Nam	16.713.050	25
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	0800296853	Cấp lần đầu ngày 10/5/2013; đăng ký thay đổi ngày 27/6/2022	Việt Nam	10.027.830	15
Nguyễn Văn Luận	027064002420	25/4/2021	Việt Nam	6.025.622	9,3
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	0300420157	Cấp lần đầu ngày 29/10/2007; đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 27/07/2022	Việt Nam	3.342.609	5

- **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

Năm 2024 không thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu. Tổng số cổ phiếu đến ngày 31/12/2024 là 66.850.975 cổ phiếu

- **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không

- **Các chứng khoán khác:** Không





**BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN
MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI**

Tác động lên môi trường

Thủy điện là nguồn năng lượng sạch và tái tạo, mang lại tiềm năng đáng kể trong việc giảm phát thải carbon, góp phần đảm bảo an ninh năng lượng.

Hướng tới tăng trưởng xanh và phát triển sản xuất bền vững, Công ty luôn ý thức được trách nhiệm bảo vệ môi trường thông qua các hành động thiết thực: hàng năm thực hiện đúng công tác giám sát môi trường định kỳ và đột xuất, báo cáo kết quả giám sát đến các cơ quan liên quan theo đúng quy định của pháp luật; thực hiện duy tu cảnh quan, cải tạo làm sạch môi trường tại khu vực nhà máy; không ngừng cải tiến hoạt động sản xuất để giảm thiểu tối đa phát thải ra môi trường; chỉ đạo các tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch hành động cụ thể về việc bảo vệ thiên nhiên, môi trường sinh thái như trồng cây phủ xanh khu vực nhà máy, giữ gìn vệ sinh chung ...

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng nguồn nước để phát điện, không sử dụng các nguồn nguyên vật liệu khác.

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A không sử dụng nguyên vật liệu tái chế.

Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 253.362 kWh.

Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 1.911.910 kWh.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không.

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không.

Tiêu thụ nước

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng trực tiếp nguồn nước từ kênh xả của nhà máy thủy điện Srêpôk 4 để phát điện. Lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy là: 492 m³/s.

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A không sử dụng nước tái chế.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

Trong năm, Công ty không có trường hợp nào bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường trong toàn Công ty. Nhờ thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường mà nhiều năm qua Công ty luôn đảm bảo an toàn trong **sản** xuất, giữ gìn cảnh quan sạch đẹp tại khu vực nhà máy và văn phòng làm việc.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN NGƯỜI LAO ĐỘNG



Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- Số người lao động: 56 người, trong đó:
- Mức tiền lương bình quân: 11,5 triệu đồng/người/tháng.

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của Người lao động:

✳ Các biện pháp phòng tránh tai nạn lao động tại Công ty:

Thực hiện che chắn, cảnh báo các khu vực nguy hiểm, lắp thông gió cho các khu vực làm việc ở môi trường nhiệt độ cao, chiếu sáng đầy đủ ở các khu vực làm việc, ưu tiên sử dụng ánh sáng tự nhiên.

Kiểm tra, sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị nghiêm ngặt theo đúng khuyến cáo của nhà sản xuất và kế hoạch trung tu, tiểu tu định kỳ hàng năm của Công ty đề ra.

Bố trí tủ thuốc y tế nơi làm việc để chăm sóc sức khỏe tốt nhất cho người lao động, trang bị vật tư, thiết bị y tế, khẩu trang nhằm đảm bảo tốt cho sức khỏe Người lao động. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ, bệnh nghề nghiệp cho toàn bộ Người lao động trong Công ty.

✳ Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân:

Cung cấp trang thiết bị bảo hộ lao động đầy đủ cho người lao động. Tùy từng vị trí, bộ phận công việc đảm nhận, người lao động được cấp phát phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp để giúp người lao động giảm thiểu tối đa những rủi ro do điều kiện và môi trường làm việc mang lại như: nóng, ồn, bụi, hơi khí độc, các điều kiện lao động nguy hiểm khác... Người lao động khi được trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, bắt buộc phải sử dụng đúng quy định khi làm việc.

✳ Công tác tổ chức làm việc an toàn:

Tổ chức tốt mạng lưới an toàn vệ sinh viên của Công ty.

Thực hiện thời gian làm việc và nghỉ ngơi hợp lý.

Ấn định thời gian làm việc và thực hiện quy định về việc bố trí ca kíp tại nhà máy.

✳ Các chế độ khác:

Ngoài các chế độ nói trên, hàng năm Công ty phối hợp với Công đoàn tổ chức các hoạt động có ý nghĩa như: thăm hỏi, hiếu hỷ, hỗ trợ vay vốn quỹ phúc lợi cho NLD có hoàn cảnh khó khăn; Tặng quà cho các cháu là con của NLD nhân dịp Tết Trung thu, Ngày quốc tế thiếu nhi; Tặng quà cho NLD nhân dịp tết nguyên đán,

Bên cạnh đó, đời sống văn hóa tinh thần của NLD cũng được Ban lãnh đạo, BCH Công đoàn quan tâm. Với mục tiêu xây dựng, phát triển các hoạt động, phong trào TĐTT, văn hóa văn nghệ, rèn luyện sức khỏe, và tăng cường giao lưu, gắn kết của các đoàn viên trong Công ty, đồng thời tạo ra một sân chơi lành mạnh, tái tạo năng lượng tích cực cho người lao động. Các hoạt động mang đậm tinh thần “Kết nối NLD, xây dựng tổ chức”.



HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Hàng năm, Công ty xây dựng kế hoạch và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động; đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật:

Tổ chức an toàn vệ sinh lao động: 2 năm/lần.

Tổ chức huấn luyện phòng cháy chữa cháy: 2 năm/lần.

Tổ chức huấn luyện dân quân tự vệ: 1 năm/lần.

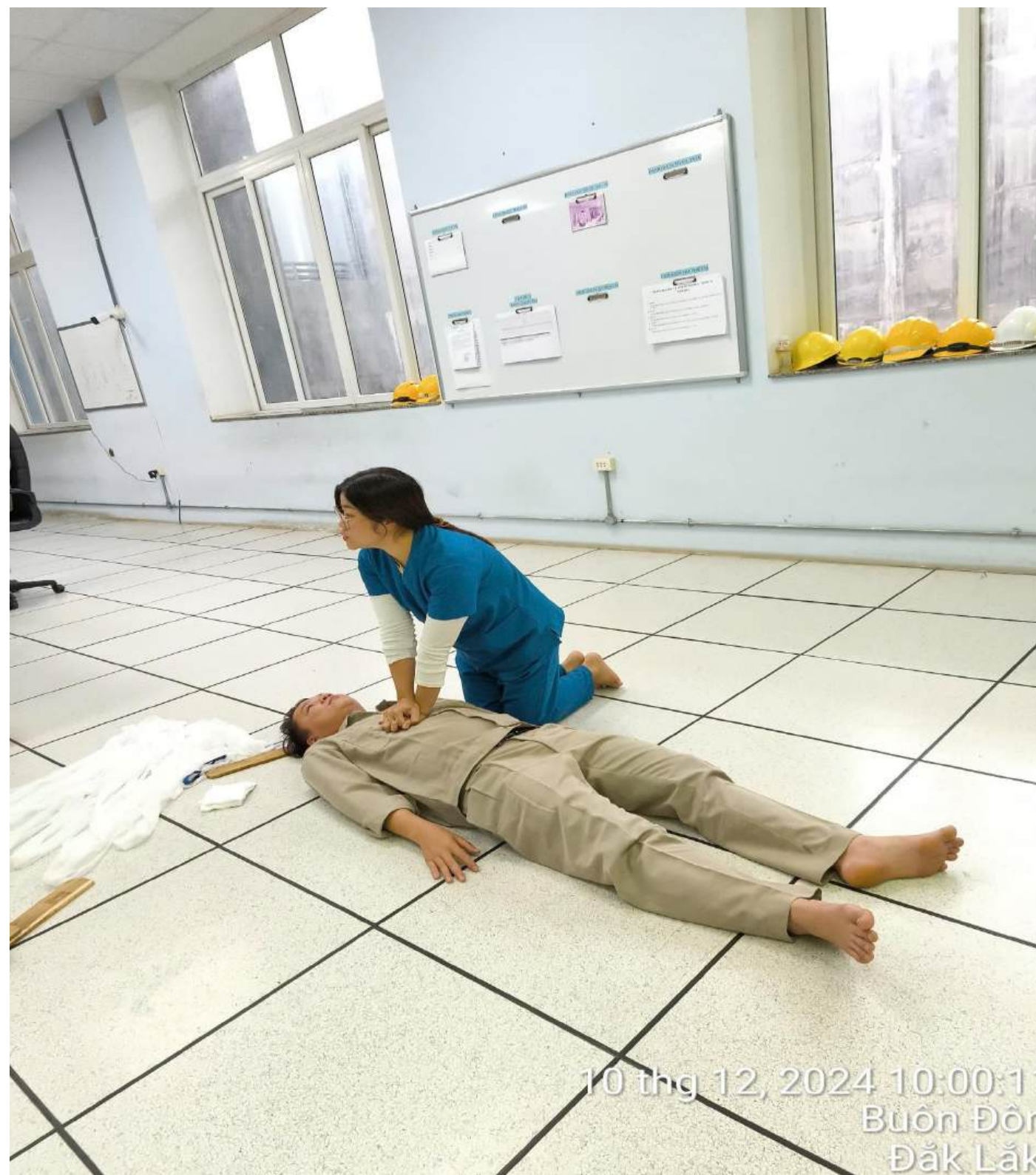


HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO NGƯỜI LAO ĐỘNG:

Tiến hành diễn tập các tình huống xử lý sự cố theo kế hoạch đề ra: nhằm nâng cao tay nghề vận hành và xử lý sự cố cho toàn bộ Trưởng ca và Điều hành viên nhà máy.



Tập huấn chuyên môn nghiệp vụ theo chương trình tập huấn của các sở ban ngành: nhằm nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động.



TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Các hoạt động xã hội, từ thiện luôn được Ban giám đốc và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực, đem lại nhiều tình cảm, niềm tin với chính quyền và nhân dân địa phương.

Một số hoạt động chính nổi bật trong năm 2024:



**Trao tặng căn nhà tình thương cho hộ nghèo
tại xã Krông Na – huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk**

TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Ủng hộ đồng bào bị thiệt hại do cơn bão YAGI gây ra



Trao 90 phần quà Tết nguyên đán cho bà con nghèo tại 03 xã Ea Wer, Ea Huar, Krông Na - huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk



Tổ chức tết trung thu cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN HOẠT ĐỘNG THỊ TRƯỜNG VỐN XANH THEO HƯỚNG DẪN CỦA UBCKNN:

Hiện tại Công ty chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn rất quan tâm theo dõi các thông tin về hoạt động này và sẽ tích cực tham gia khi có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.



ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

Đánh giá công tác vận hành

Tình hình tài chính

Cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty

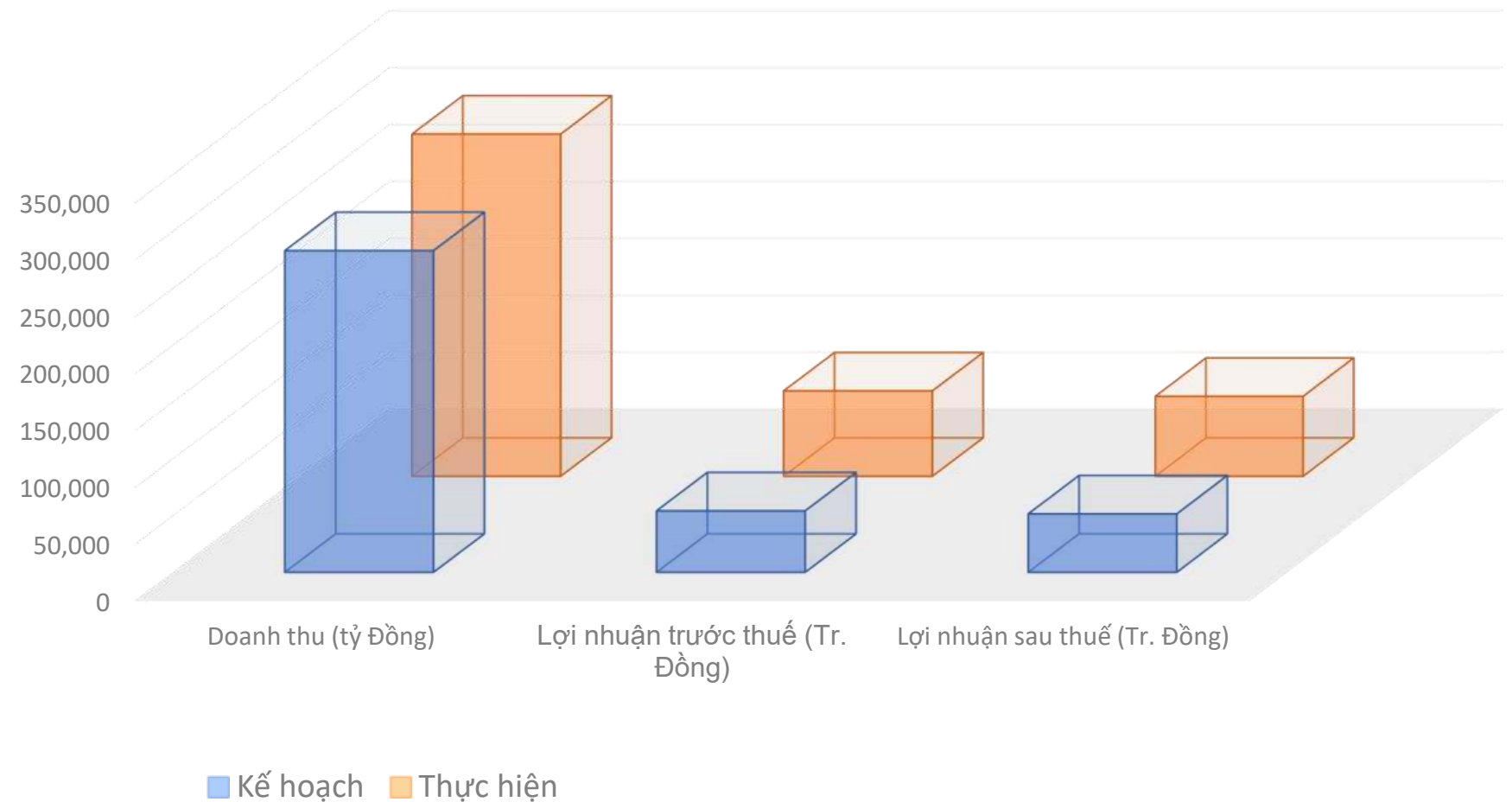


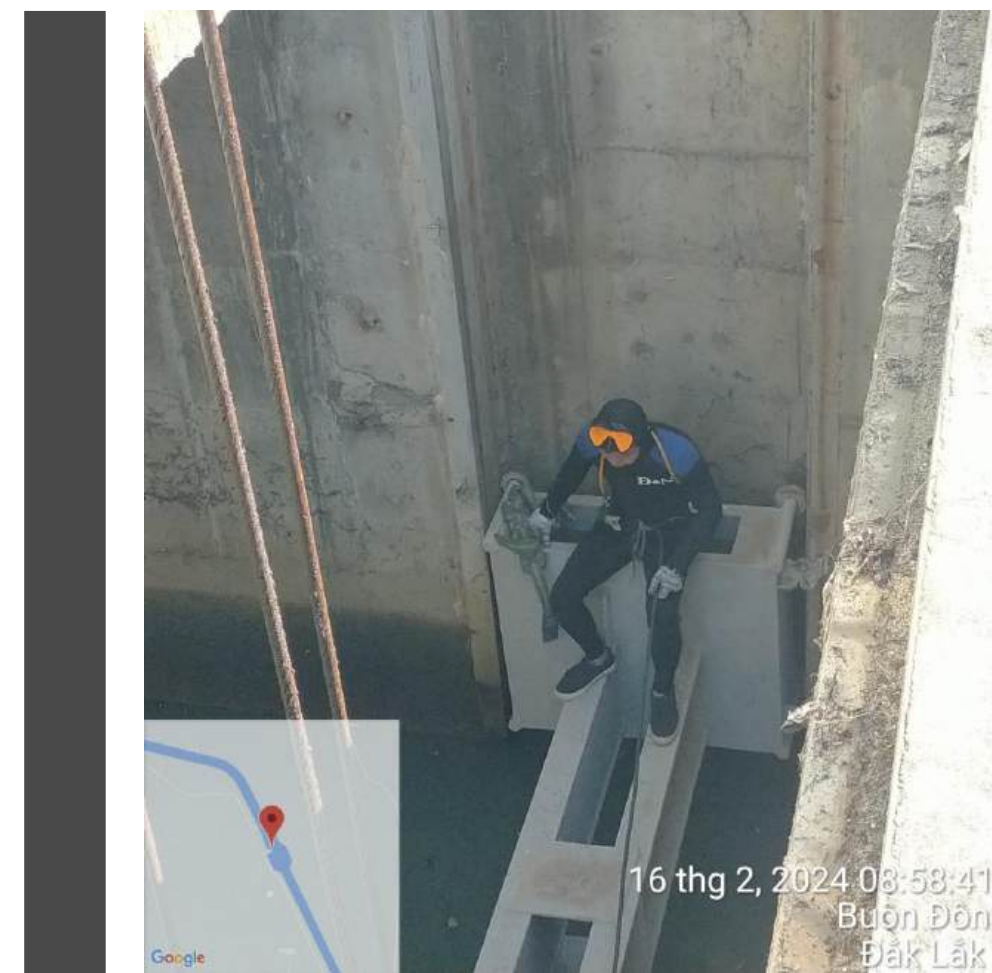
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Với tinh thần đoàn kết, không ngừng đổi mới, sáng tạo, áp dụng các giải pháp, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào sản xuất, cùng sự định hướng, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, Công ty CP Thủy điện Buôn đôn đã có một năm hoạt động hiệu quả, vận hành an toàn, tin cậy. Công ty đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD năm 2024. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu chính về tình hình hoạt động SXKD năm 2024 như sau:

STT	THÔNG SỐ SXKD	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Thực hiện năm 2024
I	Điện năng thương mại	Triệu Kwh	230	241
II	DOANH THU	Tr. Đồng	282.830	300.679
III	LỢI NHUẬN			
	Lợi nhuận trước thuế	Tr. Đồng	54.069	75.092
	Lợi nhuận sau thuế	Tr. Đồng	51.365	70.313





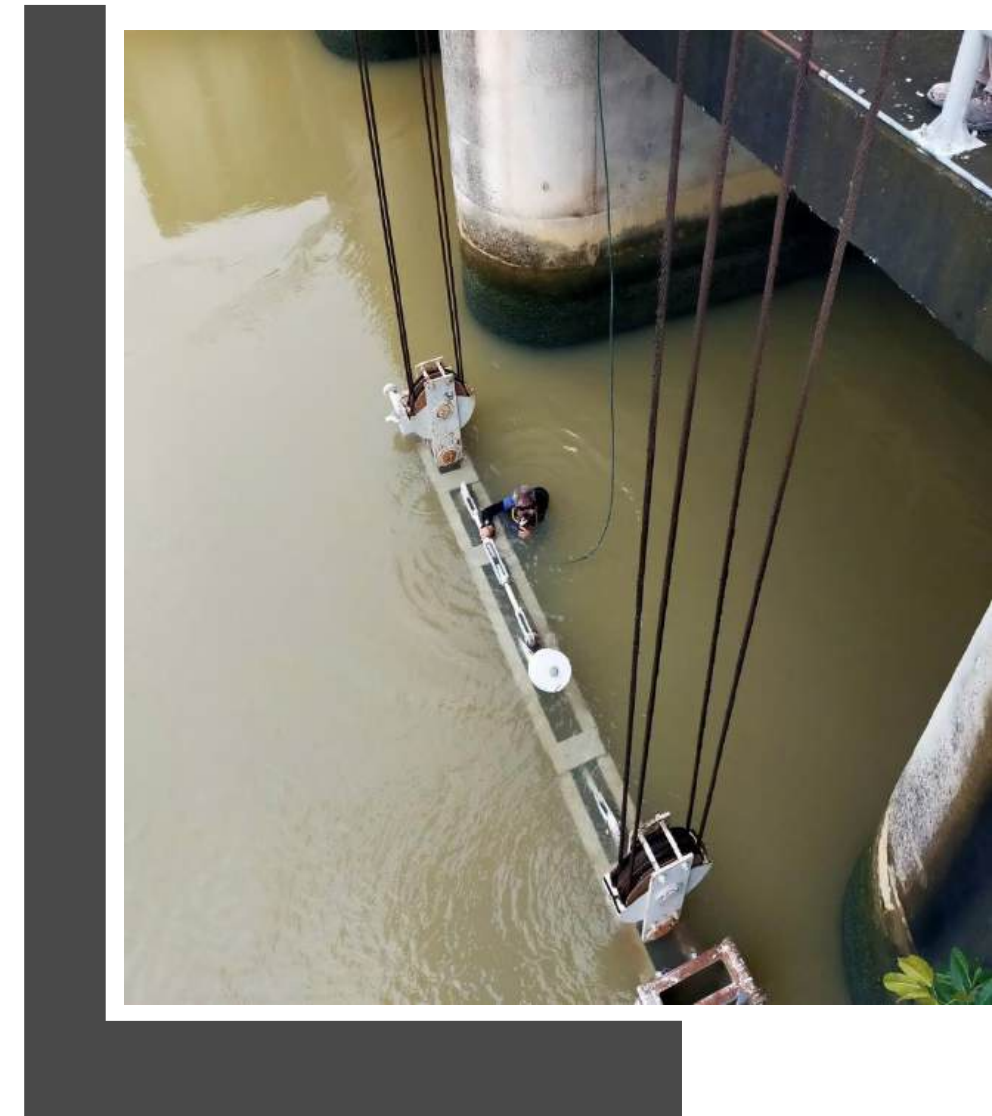
Công tác vận hành Nhà máy

Trong năm qua, để vận hành nhà máy tối ưu Công ty đã phối hợp với các đơn vị phát điện trên dòng sông không để xảy ra tình trạng xả nước thừa.

Ngoài ra, Công ty thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình, máy móc thiết bị, phát hiện và khắc phục kịp thời nhằm đảm bảo lịch sản xuất theo đúng kế hoạch, đảm bảo tiến độ sửa chữa lớn phù hợp với kế hoạch đã đăng ký với Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia và Trung tâm điều độ hệ thống điện Miền Trung. Đến thời điểm hiện tại các tổ máy, thiết bị hoạt động ổn định sẵn sàng đáp ứng công suất khi được huy động



Công tác vận hành Nhà máy



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu tài sản	31/12/2023	31/12/2024	Thay đổi	% thay đổi
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	351.572.625.136	392.682.169.504	41.109.544.368	11,69%
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.004.908.801.970	883.321.798.527	(121.587.003.443)	(12,10%)
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	1.356.481.427.106	1.276.003.968.031	(80.477.459.075)	(5,93%)

Tình hình nguồn vốn

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu nguồn vốn	31/12/2023	31/12/2024	Thay đổi	% thay đổi
A	NỢ PHẢI TRẢ	451.555.425.557	369.661.070.001	(81.894.355.556)	(18,14%)
1	Nợ ngắn hạn	201.168.294.293	280.682.070.477	79.513.776.184	39,53%
2	Nợ dài hạn	250.387.131.264	88.978.999.524	(161.408.131.740)	(64,46%)
B	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	904.926.001.549	906.342.898.030	1.416.896.481	0,16%
1	Vốn chủ sở hữu	904.926.001.549	906.342.898.030	1.416.896.481	0,16%
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0	0	
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	1.356.481.427.106	1.276.003.968.031	(80.477.459.075)	(5,93%)

Tổng nguồn vốn của Công ty tại ngày 31/12/2024 giảm so với 31/12/2023 là **80.477** tỷ đồng, trong đó nợ phải trả giảm 81,9 tỷ đồng, tương đương 18,14%, nguyên nhân chủ yếu là do trả nợ vay. Vốn chủ sở hữu tăng 1,4 tỷ đồng



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

- Thực hiện các chính sách phù hợp, ổn định nguồn nhân lực: Phân phối tiền lương, tiền thưởng dựa trên các tiêu chí đánh giá về năng lực và hiệu quả công việc; Khuyến khích động viên tinh thần lao động tích cực, sáng tạo cho cán bộ, người lao động tham gia sản xuất vận hành, tạo động lực thúc đẩy phát triển sản xuất, thực hiện tốt các chính sách thi đua khen thưởng kịp thời...
- Thực hiện rà soát lại bộ máy nhân sự, các chức danh quản lý của Công ty, bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ, công nhân viên nhằm lựa chọn đúng người vào đúng vị trí để NLD phát huy được hết khả năng của mình, đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và tạo tiền đề cho những năm tiếp theo.
- Nâng cao chất lượng hoạt động của công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin.
- Luôn quan tâm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động: Sửa chữa, cải tạo phòng làm việc, đảm bảo diện tích cần thiết, môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho CBCNV.
- Thường xuyên bổ sung, thay thế các trang, thiết bị phòng làm việc; Kiểm tra, mua sắm máy móc, thiết bị phục vụ công tác sản xuất.
- Thường xuyên tổ chức họp điều hành kế hoạch sản xuất hàng tháng đảm bảo sự chỉ đạo kịp thời và hiệu quả.
- Thực hiện đẩy mạnh công tác quản trị tài chính. Đến cuối năm, các chỉ tiêu tài chính cơ bản của Công ty đạt kế hoạch do ĐHĐCĐ thường niên thông qua. Qua kiểm toán, Báo cáo tài chính của Công ty được đánh giá phản ánh trung thực, hợp lý, phù hợp với chuẩn mực và các quy định pháp lý.

Kế hoạch phát triển trong tương lai



Các chỉ tiêu chính:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	GIÁ TRỊ
1	Sản lượng điện thương mại	Triệu kWh	230
2	Tổng doanh thu	Triệu đồng	285.018
3	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	65.872
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	62.579
5	Cổ tức dự kiến	%	15



Biện pháp hoàn thành kế hoạch:

Để hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh điện, đảm bảo kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức và quỹ tiền lương cho người lao động, Công ty cần đẩy mạnh công tác tối ưu hóa chi phí, nâng cao chất lượng vận hành, quản trị nguồn nhân lực và tài chính hợp lý, tăng hiệu quả sử dụng vốn.

Về vận hành: Nâng cao trình độ, kỹ năng của nhân viên vận hành bằng việc thường xuyên tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập xử lý sự cố trong công tác vận hành nhằm đảm bảo vận hành các tổ máy đạt hiệu quả cao nhất; phát huy phong trào thi đua “Ca vận hành an toàn kinh tế”.

Về sửa chữa: Sắp xếp nguồn lực để rút ngắn tiến độ các công trình sửa chữa nhằm sớm đưa thiết bị vào vận hành, tăng sản lượng điện sản xuất, đồng thời phát huy tinh thần tiết kiệm trong công tác SCL nhưng vẫn đảm bảo kỹ thuật và tiến độ.

Về mua sắm vật tư: Tổ chức mua sắm vật tư, thiết bị, phụ tùng phục vụ sửa chữa, sản xuất đảm bảo chất lượng, giá hợp lý.

Về công tác nhân sự: Quản lý, sắp xếp, bố trí và sử dụng lao động hợp lý nhằm tăng hiệu quả làm việc. Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; công tác kỹ thuật an toàn – vệ sinh lao động – PCCN phải được coi trọng và thực hiện thường xuyên. Giám sát chặt chẽ, kịp thời chấn chỉnh và khắc phục nhằm đảm bảo an toàn lao động cao nhất, không để xảy ra tai nạn lao động. Phát động và thực hiện công tác thi đua khen thưởng với nội dung thi đua sâu sắc, thực tế. Thực hiện tốt phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí cho Công ty; tặng thưởng xứng đáng, kịp thời cho những sáng kiến có giá trị làm lợi lớn, ứng dụng rộng rãi.

Về công tác tài chính: Tăng cường kiểm soát dòng tiền, kiểm soát chi phí. Theo dõi đẩy nhanh công tác thu hồi công nợ, kiểm soát vật tư thiết bị tồn kho, giảm thiểu vật tư thiết bị dự phòng và duy trì ở mức hợp lý.

Thực hành tiết kiệm: Toàn thể NLD cần đẩy mạnh việc thực hiện tiết kiệm trong mọi hoạt động, thực hiện nghiêm túc, tự giác các nội dung trong Quy chế Chi tiêu nội bộ của Công ty.

Lãnh đạo Công ty tiếp tục tìm kiếm thêm cơ hội để đầu tư và sử dụng hiệu quả hơn nữa nguồn vốn của Công ty nhằm đem lại lợi nhuận cao nhất.

Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2024, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn. Vì vậy, Ban Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm.

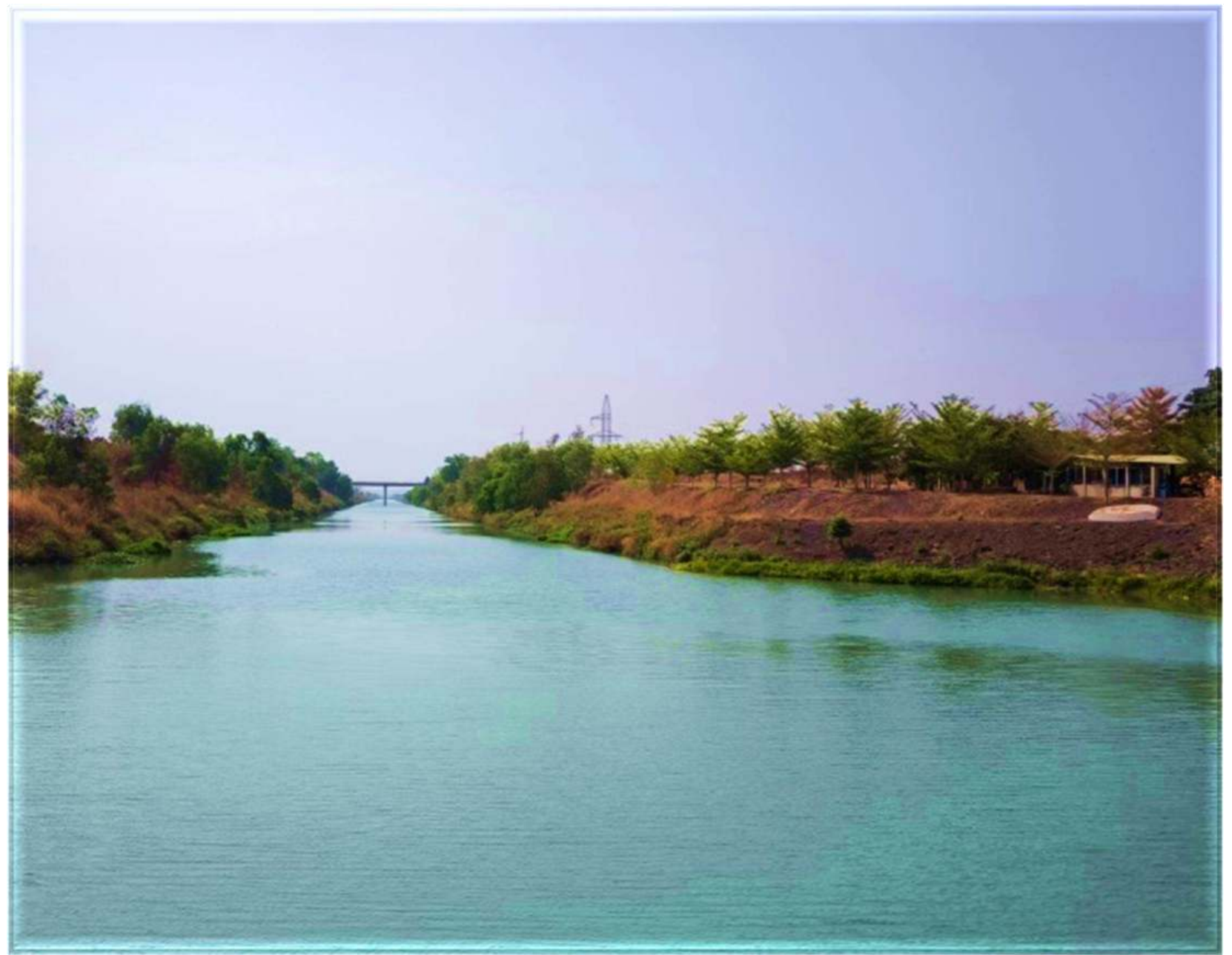


Trách nhiệm môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải,..):

- Tiêu thụ nước: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng trực tiếp nguồn nước từ kênh xả của nhà máy thủy điện Srêpôk 4 để phát điện. Lưu lượng phát điện lớn nhất qua nhà máy là: 492 m³/s. Lượng nước sau khi phát điện được trả lại sông Srêpôk.
- Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: 253.362 kWh; Năng lượng tiêu thụ gián tiếp: 1.911.910 kWh.
- Phát thải: Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A sử dụng nguồn nước để phát điện nên không phát sinh khí thải trong quá trình vận hành.
- Chất thải nguy hại: Hàng năm nhà máy đều tiến hành thu gom và xử lý chất thải nguy hại

Giám sát môi trường: Nhà máy thực hiện công tác báo cáo giám sát môi trường định kỳ 1 lần/năm theo đúng các quy định hiện hành.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Xác định nguồn nhân lực là yếu tố trọng tâm để phát triển Công ty, công tác phát triển nâng cao đội ngũ nguồn nhân lực luôn được Công ty quan tâm. Cụ thể:

Luôn thực hiện đầy đủ trách nhiệm xã hội đối với người lao động theo các quy định của Nhà nước, thông qua việc tham gia 100% BHXH, BHYT, BHTN cho Người lao động theo đúng quy định;

Luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc đoàn kết, thân thiện với trang thiết bị đầy đủ, khuyến khích tạo điều kiện cho NLĐ phát huy hết khả năng sáng tạo, năng lực chuyên môn trong công việc, mang lại hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất kinh doanh;

Luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm ngặt công tác an toàn sức khỏe môi trường thông qua việc cấp phát đồng phục, bảo hộ lao động, thực hiện các chương trình đào tạo, huấn luyện, diễn tập các chương trình phòng cháy chữa cháy, an toàn vệ sinh viên...;

Tổ chức các chương trình du lịch, nghỉ dưỡng giúp tái tạo sức lao động cho tập thể CBCNV Công ty.

Quyền lợi
Người lao động



Trách nhiệm của doanh nghiệp gắn với cộng đồng

Các hoạt động xã hội, từ thiện tại địa phương luôn được Lãnh đạo Công ty và Người lao động hưởng ứng, tham gia tích cực. Công ty luôn đồng hành cùng với chính quyền địa phương trên địa bàn 03 xã Ea Wer, Ea Huar, Krông Na, huyện Buôn Đôn - nơi Nhà máy đóng chân trong mọi hoạt động. Đặc biệt, hàng năm tổ chức một số hoạt động lớn có ý nghĩa như: xây dựng nhà đại đoàn kết cho các hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn giúp bà con ổn định cuộc sống, tặng quà tết cho 90 hộ dân trên địa bàn 03 xã giúp các hộ nghèo có điều kiện đón Tết Cổ truyền của dân tộc trong không khí vui tươi, đầm ấm và nghĩa tình...

Công tác xã hội được trích từ quỹ phúc lợi Công ty và quyên góp từ Người lao động





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch định hướng của HĐQT

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc

Đánh giá chung, Ban giám đốc Công ty đã triển khai thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty; tổ chức triển khai và điều hành các hoạt động SXKD của Công ty theo nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ và chỉ đạo của HĐQT. Trong quá trình triển khai Ban giám đốc thường xuyên báo cáo HĐQT về tình hình SXKD cũng như tình hình tài chính và các mặt hoạt động khác của Công ty để HĐQT có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Năm 2024 Ban giám đốc tổ chức điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả tốt, cụ thể là:

Ban giám đốc đã xây dựng các giải pháp nhằm phát triển Công ty ổn định và bền vững. Trên cơ sở đó điều hành công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua trong ĐHĐCĐ năm 2024.

Tổ chức thực hiện tốt quy chế quản trị Công ty và quy chế quản lý tài chính, tăng cường giám sát hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của Công ty.

Củng cố, sắp xếp nhân sự hợp lý, chú trọng công tác đào tạo bồi dưỡng CBCNV nhằm tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty.

Triển khai thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với giấy phép kinh doanh và đúng pháp luật.

Ban kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong công ty.

Nhằm phát huy những thành tích đã đạt được, Công ty cần phải nỗ lực hơn nữa trong công tác điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo gia tăng giá trị cho Công ty, lợi ích của các Cổ đông và Người lao động.

Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024 Ban giám đốc Công ty đã tiếp tục tăng cường kỷ cương, chỉ đạo quyết liệt có trọng tâm, linh hoạt và bám sát nhiệm vụ chính để thực hiện nhiệm vụ SXKD theo các chỉ tiêu ĐHĐCĐ và HĐQT giao, mang lại hiệu quả và lợi ích thiết thực cho Công ty thông qua một số chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật đã đạt được. HĐQT đánh giá cao các hoạt động của Công ty trong năm qua.

Bên cạnh đó, Công ty đã thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo với nhiều chương trình, hoạt động ý nghĩa mang tính nhân văn, đem lại nhiều tình cảm, niềm tin với chính quyền và nhân dân địa phương.

Kế hoạch và định hướng của HĐQT

Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2025

Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng kế hoạch và các giải pháp cụ thể nhằm đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu đề ra của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và bộ máy giúp việc Công ty.

Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025, đề xuất trình Đại hội những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Tổ chức các phiên họp thường kỳ, bất thường để thảo luận, giám sát và thông qua các báo cáo kết quả hoạt động của Công ty, để chỉ đạo kịp thời và hiệu quả việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Tiếp tục rà soát, bổ sung và điều chỉnh các quy chế, quy trình, quy định của Công ty phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Thực hiện các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Định hướng mục tiêu nhiệm vụ SXKD năm 2025

Mục tiêu:

Vận hành nhà máy thủy điện Srêpôk 4A an toàn, khai thác hiệu quả nguồn nước, nâng cao hiệu suất phát điện tạo ra giá trị sản lượng cao nhất;

Đổi mới quản trị doanh nghiệp; Tối ưu hóa chi phí; Ổn định và phát triển mạnh mẽ các nguồn lực để nâng cao hiệu quả SXKD.

Đảm bảo ổn định việc làm và đời sống cho người lao động.

Nhiệm vụ kế hoạch:

Xây dựng chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

Đảm bảo an toàn trong vận hành – bảo dưỡng thiết bị, không để xảy ra bất kỳ sự cố nào ảnh hưởng đến con người và thiết bị.

Hoàn thành kế hoạch sản xuất điện, phối hợp với Trung tâm điều độ Hệ thống điện Quốc gia khai thác có hiệu quả nguồn nước.

Tối ưu hóa chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và các nguồn lực trong Công ty. Nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV trong Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- Hội đồng quản trị
- Ban Kiểm soát
- Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
01	Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch HĐQT không điều hành	
02	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành	NĐD phần vốn của Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4
03	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên HĐQT không điều hành	NĐD phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa
04	Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành	NĐD phần vốn của Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại
05	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT không điều hành	Cổ đông cá nhân

Các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị: Không có



Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và tình hình yêu cầu thực tế của Công ty. Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên 2024 và các cuộc họp định kỳ hàng quý hoặc lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản nhằm đảm bảo nắm bắt toàn diện mọi tình hình của Công ty, để ra Quyết định, kế hoạch phát triển phù hợp với tình hình thực tế.

Các Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua với tất cả thành viên đồng ý. Đảm bảo các quy định về những quyền lợi kinh tế thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động SXKD theo Kế hoạch cả năm 2024; Giám sát việc thực hiện mục tiêu của Ban giám đốc, đồng thời có các chỉ đạo, quyết định liên quan đến việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và của HĐQT Công ty.

Trong các phiên họp và hoạt động của HĐQT, các thành viên tham gia đầy đủ, đã làm việc với tinh thần trách nhiệm và luôn đạt sự nhất trí cao; Các quyết nghị của HĐQT tuân thủ các quy định điều lệ, quy chế Công ty và pháp luật có liên quan trên cơ sở lợi ích của cổ đông và sự phát triển Công ty

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2024

STT	Số NQ, QĐ	Nội dung	Ngày	Hình thức	Tình hình thực hiện
01	02/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết phiên họp ngày 05/01/2024: + Thông qua báo cáo của Ban điều hành về KQ ước thực hiện SXKD năm 2023; + Thông qua việc tạm hoãn đối với một số hạng mục được đánh giá vẫn đảm bảo cho công trình và nhà máy; + Thông qua kế hoạch SXKD năm 2024; + Thông qua Kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và đầu tư phát triển năm 2024.	05/01/2024	Họp	Đã hoàn thành
02	03/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định v/v phê duyệt dự toán gói thầu “Thay thế, lắp đặt vỏ tủ của Tủ máy cắt 901, 902 và các thiết bị liên quan	05/01/2024	Họp	Đã hoàn thành
03	04NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v thực hiện đấu giá lần 2 Máy biến áp dự phòng	05/01/2024	Họp	Đã hoàn thành
04	05/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt ước thực hiện quỹ tiền lương, thưởng KPI và các chế độ năm 2023 và kế hoạch năm 2024	05/01/2024	Họp	Đã hoàn thành
05	08/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	21/02/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
06	12/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt quyết toán Quỹ lương, tiền thưởng KPI và các chế độ cho CBCNV thực hiện năm 2023	31/03/2024	Họp	Đã hoàn thành
07	13/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định v/v thành lập Ban tổ chức và các Ban phục vụ ĐHĐCĐ thường niên năm 2024.	31/3/2024	Họp	Đã hoàn thành
08	14/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v thông qua dự thảo tài liệu ĐHĐCĐ năm 2024	10/4/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
09	20/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định v/v phê duyệt điều chỉnh nội dung Tổng mức đầu tư dự án Xây dựng Trụ sở làm việc BDHC.	24/5/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
10	21/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định v/v phê duyệt BVTKTC và dự toán gói thầu “Xây dựng trụ sở làm việc BDHC”	24/5/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
11	22/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v thông qua Giao dịch giữa Công ty với Người có liên quan Người nội bộ của Công ty	29/5/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
12	23/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v hủy đấu giá Máy biến áp dự phòng – NMTĐ Srêpôk 4A	17/6/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
13	24/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng trụ sở làm việc BDHC	17/6/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
14	26/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v phê duyệt lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị thực hiện soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	24/6/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành

STT	Số NQ, QĐ	Nội dung	Ngày	Hình thức	Tình hình thực hiện
15	28/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết Hội đồng quản trị BDHC v/v: - Thông qua Báo cáo số 133/BC-BDHC ngày 25/6/2024 của BĐH BDHC về ước thực hiện kết quả hoạt động SXKD 06 tháng đầu năm 2024 và kế hoạch SXKD 06 tháng cuối năm 2024; - Thông qua việc hoãn thực hiện gói thầu “Thay thế, lắp đặt vỏ tủ máy cắt 901, 902 và các thiết bị liên quan”; - Thông qua việc thực hiện 2 hạng mục: Đại tu xe ô tô Fortuner mang biển số 47T-1475; Sửa chữa hệ thống bơm tiêu tháo cạn – NMTĐ SP4A	29/6/2024	Họp	Đã hoàn thành
16	30/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v vay vốn tại ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Đắk Lắk	23/8/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
17	31/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết v/v thông qua lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	17/9/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
18	32/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định v/v phê duyệt Hồ sơ mời thầu rộng rãi qua mạng (E-HSMT) gói thầu “Xây dựng trụ sở làm việc BDHC”	19/9/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
19	35/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết thông qua nội dung điều chỉnh thời gian trả cổ tức 2023 bằng tiền cho Cổ đông trước ngày 25/12/2024	12/10/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
20	37/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết thông qua kết quả hoạt động SXKD đến tháng 9/2024 và kế hoạch SXKD 03 tháng cuối năm 2024	12/10/2024	Họp	Đã hoàn thành
21	39/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết thông qua phương án trả cổ tức năm 2023 bằng tiền	30/10/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
22	40/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định vv bổ nhiệm lại Giám đốc và Người đại diện pháp luật BDHC	01/11/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
23	41/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định vv phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Xây dựng trụ sở làm việc BDHC	09/12/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đã hoàn thành
24	42/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt các hạng mục kế hoạch năm 2025 cần triển khai, thực hiện sớm	14/12/2024	Xin ý kiến bằng văn bản	Đang thực hiện
25	46/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt vay vốn ngân hàng BIDV – Chi nhánh Khánh Hòa	28/12/2024	Họp	Đã hoàn thành
26	47/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết thông qua hình thức tự thực hiện sửa chữa định kỳ Nhà máy thủy điện Srêpôk 4A	28/12/2024	Họp	Đang thực hiện
27	48/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2025	28/12/2024	Họp	Đang thực hiện
28	49/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết phê duyệt Quỹ tiền lương, thưởng KPI và các chế độ ước thực hiện năm 2024 và kế hoạch 2025	28/12/2024	Họp	Đang thực hiện
29	50/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết phê duyệt ký kết hợp đồng thi công Trụ sở làm việc BDHC	28/12/2024	Họp	Đã hoàn thành
30	51/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định vv điều chỉnh nội dung Quy chế về công tác tiền lương trong BDHC	28/12/2024	Họp	Đã hoàn thành
31	52/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết vv phê duyệt bổ sung quỹ tiền lương, thưởng KPI và các chế độ do sản xuất vượt kế hoạch năm 2024 của BDHC	28/12/2024	Họp	Đã hoàn thành
32	53/NQ-HĐQT-BDHC	Nghị quyết thông qua việc áp dụng tỷ lệ điện năng thanh toán theo giá trị hợp đồng năm 2025 của NMTĐ Srêpôk 4A	28/12/2024	Họp	Đang thực hiện
33	54/QĐ-HĐQT-BDHC	Quyết định khen thưởng hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ SXKD năm 2024	28/12/2024	Họp	Đã hoàn thành

Hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị độc lập: Không có.

Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty hoặc tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:



Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty:

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch HĐQT không điều hành
02	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành



Danh sách các thành viên Hội đồng Quản trị tham gia các chương trình về quản trị Công ty trong năm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch HĐQT không điều hành
02	Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên HĐQT không điều hành
03	Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên HĐQT không điều hành
04	Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên HĐQT không điều hành
05	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT không điều hành

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
01	Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban
02	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên
03	Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên

Hoạt động của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, Ban kiểm soát đã triển khai hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.

Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành, triển khai và thực hiện Nghị quyết của HĐQT.

Giám sát hoạt động điều hành của Hội đồng Quản trị; công tác điều hành của Ban giám đốc, hoạt động SXKD và tình hình tài chính của Công ty.

Rà soát việc xây dựng kế hoạch SXKD. Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc các giải pháp khắc phục.

Thẩm định các báo cáo tài chính 06 tháng và năm 2024, phân tích đánh giá tình hình tài chính của Công ty.

Tham gia các cuộc họp của HĐQT để nắm bắt tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ và của HĐQT.

Theo dõi việc chấp hành các quy định đối với công ty đại chúng trên sàn chứng khoán về công bố thông tin.

Trong năm 2024, BKS đã tổ chức 03 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát. Ngoài ra, BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động.

Năm 2024, BKS đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty. Thông qua hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến đồng thời kiến nghị với Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD của Công ty.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Công ty thực hiện việc chi trả thù lao của HĐQT và BKS năm 2024, quỹ khen thưởng Ban giám đốc của BDHC theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2024 phê duyệt. Cụ thể như sau:

Nội dung	Số tiền
Thu nhập HĐQT và BKS	1.169.234.000
Trong đó:	
- Thu nhập của Chủ tịch HĐQT	206.766.000
- Thu nhập của Thành viên HĐQT	588.852.000
- Thu nhập của Trưởng Ban kiểm soát	139.234.000
- Thu nhập của Thành viên Ban Kiểm soát	234.382.000
Thu nhập của Giám đốc và Người quản lý Công ty	2.437.068.150
Trong đó:	
- Thu nhập của Giám đốc	832.496.400
- Thu nhập của người quản lý Công ty	1.604.571.750

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ (01/01/2024)		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ (31/12/2024)		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên HĐQT, Người nội bộ của Công ty	6.900	0,01%	0	0,00%	Giao dịch bán CP
2	Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên HĐQT, Người nội bộ của Công ty	6.025.899	9,0%	6.205.622	9,3%	Giao dịch mua bán CP
3	Ông Nguyễn Như Đông	Người liên quan người nội bộ của Công ty (Người nội bộ là Trưởng Ban kiểm soát Công ty)	66.444	0,10%	64.444	0,10%	Giao dịch mua bán CP
4	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên BKS, Người nội bộ của Công ty	32.392	0,05%	30.392	0,05%	Giao dịch bán CP
5	Ông Trương Hải Quang	Giám đốc Công ty, Người nội bộ của Công ty	112.584	0,17%	-	0,00%	Giao dịch bán CP
6	Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc Công ty, Người nội bộ của Công ty	9.608	0,01%	8	0,00%	Giao dịch bán CP
7	Ông Nguyễn Văn Cường	Người liên quan người nội bộ của Công ty (Người nội bộ là ông Nguyễn Văn Luận - TVHĐQT Công ty)	480	0,00%	180	0,00%	Giao dịch bán CP

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

TT	NỘI DUNG HỢP ĐỒNG	ĐƠN VỊ GIAO DỊCH	SỐ HỢP ĐỒNG	GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG (VNĐ)
1	Khảo sát, lập Báo cáo đánh giá an toàn ổn định bờ kênh khu vực đầu kênh - Công trình thủy điện Srêpôk 4A	Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4	23/2024/HĐDV-BDHC-TV4-ODBK ngày 30/08/2024	315.000.000
2	Lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường - Công trình Thủy điện Srêpôk 4A	Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4	24/2024/HĐDV-BDHC-TV4-CPMT ngày 30/08/2024	290.000.000

Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4 là người có liên quan của người nội bộ Công ty theo quy định tại khoản 46, điều 4 của Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Căn cứ khoản 2, điều 167 của Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Ban giám đốc đã trình Hội đồng Quản trị xem xét và được HĐQT thông qua việc ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn với Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 4 tại Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT-BDHC ngày 29/05/2024 tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và thực hiện công bố thông tin tuân thủ quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC.

Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật để thông qua đó giảm thiểu và phòng tránh được các rủi ro về mặt pháp lý cho Công ty cũng như các rủi ro khác gây bất lợi cho hình ảnh, danh tiếng của Công ty.

Công ty thường xuyên rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quản lý nội bộ để cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty hoạt động linh hoạt, ổn định và phù hợp với các quy định hiện hành.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

(Đính kèm)

- Báo cáo Kiểm toán độc lập
- Bảng Cân đối kế toán
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh Báo cáo tài chính



BÁO CÁO
THƯỜNG
NIÊN | **2024**



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Đã Lắc ngày 01 tháng 04 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

GIÁM ĐỐC



Trương Hải Quang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6000884487, đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 5 năm 2009 và đăng ký thay đổi đến lần thứ mười một ngày 29 tháng 9 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư dự án Thủy điện Srêpôk 4A mã số 40121000095, chứng nhận lần đầu ngày 03 tháng 02 năm 2010 và chứng nhận thay đổi đến lần thứ hai ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp với tổng vốn đầu tư đăng ký là 1.971.851.000.000 VND, thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần đầu.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, Phường Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
- Điện thoại : 0262 3891 368
- Fax : 0262 3891 348

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Vũ Thành Danh	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Lê Hoàng Triều	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trịnh Hoàng Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Văn Luận	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Hồ Nam Khánh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hương Giang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024
Bà Trần Tuyết Loan	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2024

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Trương Hải Quang	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019
Ông Phan Quang Vũ	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2020
Ông Phạm Văn Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2010



CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trương Hải Quang – Giám đốc (bổ nhiệm ngày 07 tháng 11 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Trương Hải Quang
Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2025



Số: 1.0320/25/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2025, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đơn tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Nguyễn Văn Kiên****Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0192-2023-008-1

Người được ủy quyền

**Nguyễn Tiến Lộc****Kiểm toán viên**

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 4304-2023-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		392.682.169.504	351.572.625.136
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.440.053.820	21.893.719.431
1. Tiền	111		440.053.820	1.893.719.431
2. Các khoản tương đương tiền	112		70.000.000.000	20.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		319.609.477.900	318.795.337.718
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	223.935.868.910	240.011.349.202
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	922.165.500	399.800.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	94.801.443.490	78.434.188.516
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(50.000.000)	(50.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		2.042.908.440	10.309.975.518
1. Hàng tồn kho	141	V.6	2.042.908.440	10.309.975.518
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		589.729.344	573.592.469
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	589.729.344	573.592.469
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		883.321.798.527	1.004.908.801.970
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		54.700.000	54.700.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	54.700.000	54.700.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		795.735.645.110	923.569.414.035
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	792.283.476.562	920.017.809.462
- Nguyên giá	222		1.839.141.229.557	1.839.141.229.557
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.046.857.752.995)	(919.123.420.095)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	3.452.168.548	3.551.604.573
- Nguyên giá	228		3.773.470.000	3.773.470.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(321.301.452)	(221.865.427)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.095.175.212	2.963.612.188
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	3.095.175.212	2.963.612.188
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		84.436.278.205	78.321.075.747
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	76.340.230.827	78.321.075.747
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11	8.096.047.378	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.276.003.968.031	1.356.481.427.106

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		369.661.070.001	451.555.425.557
I. Nợ ngắn hạn	310		280.682.070.477	201.168.294.293
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	1.376.749.671	2.367.587.694
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	2.331.014.959	3.108.019.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	12.224.896.752	10.259.008.016
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.694.728.063	4.390.188.458
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	10.149.189.646	14.953.129.945
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2.770.893.525	2.659.121.961
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a,c	245.322.522.937	159.675.440.000
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.812.074.924	3.755.798.508
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		88.978.999.524	250.387.131.264
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b,c	88.978.999.524	250.387.131.264
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		906.342.898.030	904.926.001.549
I. Vốn chủ sở hữu	410		906.342.898.030	904.926.001.549
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.20	668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		668.509.750.000	668.509.750.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.20	10.824.284.000	10.824.284.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.20	227.008.864.030	225.591.967.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		156.696.056.684	225.591.967.549
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		70.312.807.346	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.276.003.968.031	1.356.481.427.106

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 3 năm 2025

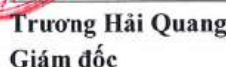


Lê Thị Kiều Vi
Người lập



Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng




Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	296.141.935.115	344.150.881.725
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.141.935.115	344.150.881.725
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	183.447.996.926	191.300.726.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		112.693.938.189	152.850.154.746
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.537.484.392	3.120.050.059
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	28.327.769.496	38.501.313.887
Trong đó: chi phí lãi vay	23		28.267.777.925	38.501.117.920
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	13.687.376.348	15.518.342.855
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.216.276.737	101.950.548.063
11. Thu nhập khác	31	VI.6	-	17.727.750
12. Chi phí khác	32	VI.7	124.695.145	-
13. Lợi nhuận khác	40		(124.695.145)	17.727.750
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		75.091.581.592	101.968.275.813
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	4.778.774.246	4.972.551.512
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		70.312.807.346	96.995.724.301
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	1.027	1.420
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	1.027	1.420

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 3 năm 2025



Lê Thị Kiều Vi
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng

Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		75.091.581.592	101.968.275.813
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8, 9	127.833.768.925	128.659.350.932
- Các khoản dự phòng	03	V.5	-	50.000.000
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	(62.184)	72.644
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(603.887.272)	(3.119.320.999)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	28.267.777.925	38.501.117.920
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		230.589.178.986	266.059.496.310
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		11.939.078.544	(54.229.806.792)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.6	171.019.700	(1.320.154.716)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1.491.990.705)	2.051.507.774
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.8	1.964.708.045	1.451.004.815
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.16, VI.4	(33.062.664.697)	(38.356.848.644)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(2.432.453.420)	(11.195.209.389)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19	(3.132.659.449)	(3.475.643.179)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		204.544.217.004	160.984.346.179
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.289.114.542)	(1.711.901.205)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.2	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.2	-	20.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.4a, VI.3	435.047.546	3.230.040.178
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(854.066.996)	21.518.138.973

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.18	123.503.039.438	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.18	(211.803.467.241)	(155.739.120.000)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.17, 20	(66.843.450.000)	(65.598.627.047)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(155.143.877.803)	(221.337.747.047)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		48.546.272.205	(38.835.261.895)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	21.893.719.431	60.729.053.970
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.3	62.184	(72.644)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	70.440.053.820	21.893.719.431

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Kiều Vi
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thủy điện Buồn Đồn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất và kinh doanh thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất kinh doanh điện năng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Sản lượng điện thương phẩm giảm so với năm trước làm cho doanh thu và lợi nhuận năm nay giảm so với năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 56 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 58 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Riêng khoản chênh lệch tỷ giá thanh toán phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản mục phải trả ngoại tệ cho Ngân hàng Sumitomo Mitsui của các năm trước đang ghi nhận khoản phải thu khác do Công ty xác định sẽ thu lại được của Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công thương và Hợp đồng mua bán điện.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền theo thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê đất còn lại (không quá 50 năm).

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản

Chi phí sửa chữa tài sản được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 40
Máy móc và thiết bị	05 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 07

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và có Quyết định chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán điện thương phẩm

Doanh thu bán điện thương phẩm được ghi nhận hàng tháng căn cứ vào Biên bản xác nhận sản lượng điện năng đã phát vào lưới điện quốc gia được Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam xác nhận và đơn giá qui định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng mua bán điện đã được ký kết.

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon

Doanh thu chuyển nhượng tín chỉ carbon được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng tín chỉ.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUỒN ĐỒN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	61.396.052	138.346.646
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	378.657.768	1.755.372.785
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng ⁽ⁱ⁾	70.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	70.440.053.820	21.893.719.431

⁽ⁱ⁾ Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk với số tiền 70.000.000.000 VND đã cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.18a).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Mua bán Điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam	223.885.868.910	239.961.349.202
Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương	50.000.000	50.000.000
Cộng	223.935.868.910	240.011.349.202

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sodema	604.765.500	-
Công ty TNHH Tư vấn Nông lâm nghiệp và Dịch vụ Phương Bắc	300.000.000	300.000.000
Công ty TNHH Tư vấn - Xây dựng Kiến Phát	-	99.000.000
Các nhà cung cấp khác	17.400.000	800.000
Cộng	922.165.500	399.800.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác

4a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chênh lệch tỷ giá của khoản vay ngoại tệ ⁽ⁱ⁾	94.325.348.292	-	78.008.138.292	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	204.476.712	-	35.636.986	-
Tạm ứng	9.000.000	-	9.000.000	-
Các khoản phải thu khác	262.618.486	-	381.413.238	-
Cộng	94.801.443.490	-	78.434.188.516	-

- ⁽ⁱ⁾ Theo quy định tại Thông tư 57/2020/TT-BCT ngày 31/12/2020 của Bộ Công thương về phương pháp tính giá điện, trình tự kiểm tra hợp đồng mua bán điện cũng như theo thỏa thuận tại hợp đồng mua bán điện số 05/2014/HĐ-NMĐ-Srêpôk4A ngày 29 tháng 8 năm 2016 giữa Công ty và Tập đoàn điện lực Việt Nam, Công ty sẽ được Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam thanh toán phần chênh lệch tỷ giá của các khoản vay ngoại tệ.

Công ty đã được Công ty Mua bán điện đồng ý thanh toán phần chênh lệch tỷ giá từ thời điểm phát sinh hợp đồng vay ngoại tệ đến năm 2019 (bao gồm đến hết năm 2018 và 31,7% chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm 2019). Đến thời điểm ngày 31/12/2024, phần chênh lệch tỷ giá tương ứng nợ gốc vay đã trả cho Ngân hàng là 94.325.348.292 VND đang chờ quyết toán với Bộ Công thương và Công ty Mua bán điện - Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Đối với phần lỗ chênh lệch tỷ giá tương ứng nợ gốc vay chưa thanh toán, Công ty chưa đủ điều kiện ghi nhận là khoản phải thu.

4b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản tiền ký quỹ, ký cược dài hạn.

5. Nợ xấu

Khoản phải thu Công ty TNHH MTV Xây dựng Khánh Dương với khoản nợ gốc là 50.000.000 VND (xem thuyết minh số V.2) đã quá hạn thanh toán trên 3 năm và được trích dự phòng 100% khoản nợ gốc.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	50.000.000	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	50.000.000
Số cuối năm	50.000.000	50.000.000

6. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.015.491.181	-	3.924.209.629	-
Công cụ, dụng cụ	27.417.259	-	6.385.765.889	-
Cộng	2.042.908.440	-	10.309.975.518	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí bảo hiểm	296.347.215	286.332.429
Chi phí thuê văn phòng	82.636.360	79.090.913
Chi phí sửa chữa	-	93.600.853
Công cụ, dụng cụ	76.648.219	54.918.274
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	134.097.550	59.650.000
Cộng	589.729.344	573.592.469

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	75.702.623.736	77.978.224.860
Công cụ, dụng cụ	98.025.942	211.475.511
Chi phí sửa chữa, duy tu	539.581.149	103.926.129
Chi phí trả trước dài hạn khác	-	27.449.247
Cộng	76.340.230.827	78.321.075.747

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
Số cuối năm	1.294.420.374.168	539.048.091.989	5.058.586.955	614.176.445	1.839.141.229.557
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	112.354.975	10.296.450.832	1.667.711.501	614.176.445	12.690.693.753
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	538.551.263.320	377.027.740.143	2.947.722.536	596.694.096	919.123.420.095
Khấu hao trong năm	75.717.401.773	51.623.007.446	376.441.332	17.482.349	127.734.332.900
Số cuối năm	614.268.665.093	428.650.747.589	3.324.163.868	614.176.445	1.046.857.752.995
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	755.869.110.848	162.020.351.846	2.110.864.419	17.482.349	920.017.809.462
Số cuối năm	680.151.709.075	110.397.344.400	1.734.423.087	-	792.283.476.562
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.085.333.060 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (xem thuyết minh số V.18a).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
Số cuối năm	3.693.470.000	80.000.000	3.773.470.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	-	-
Chờ thanh lý	-	-	-
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	150.754.323	71.111.104	221.865.427
Khấu hao trong năm	90.547.129	8.888.896	99.436.025
Số cuối năm	241.301.452	80.000.000	321.301.452
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	3.542.715.677	8.888.896	3.551.604.573
Số cuối năm	3.452.168.548	-	3.452.168.548
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
Xây dựng cơ bản dở dang	2.963.612.188	261.237.185	(129.674.161)	3.095.175.212
- Công trình Thủy điện Srêpok 4A_ Chi phí dự án năng lượng mặt trời	2.311.469.508	-	-	2.311.469.508
- Trụ sở làm việc	522.468.519	261.237.185	-	783.705.704
- Công trình khác	129.674.161	-	(129.674.161)	-
Cộng	2.963.612.188	261.237.185	(129.674.161)	3.095.175.212

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế	8.096.047.378	-
Trừ dự phòng	-	-
Giá trị thuần	8.096.047.378	-

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Xây lắp và Vật tư xây dựng 4	1.110.840.804	1.110.840.804
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Vinh Thành	246.483.832	116.153.918
Công ty Cổ phần Sotaville	-	1.062.077.600
Các nhà cung cấp khác	19.425.035	78.515.372
Cộng	1.376.749.671	2.367.587.694

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Là khoản ứng tiền mua tín chỉ carbon của Công ty Cổ phần Net Zero Carbon.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.543.028.713	22.442.933.153	(22.708.030.646)	2.277.931.220
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.953.721.561	4.778.774.246	(2.432.453.420)	4.300.042.387
Thuế thu nhập cá nhân	230.940.769	1.332.719.046	(1.447.469.550)	116.190.265
Thuế tài nguyên	2.224.370.185	24.530.367.632	(24.301.521.997)	2.453.215.820
Thuế nhà thầu	-	1.583.855.152	(1.583.855.152)	-
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Phí cấp quyền khai thác tài nguyên	-	2.808.801.000	(2.808.801.000)	-
Phí dịch vụ môi trường rừng	3.306.946.788	8.677.299.924	(8.906.729.652)	3.077.517.060
Tiền thuê đất	-	2.410.240	(2.410.240)	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	12.627.792	(12.627.792)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	287.340.198	(287.340.198)	-
Cộng	10.259.008.016	66.460.128.383	(64.494.239.647)	12.224.896.752

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất như sau:

- Điện thương phẩm : 10%
- Tín chỉ carbon : 10%

Năm 2024, thuế suất giá trị gia tăng của điện thương phẩm giảm xuống còn 8% theo Nghị định 94/2023/NĐ-CP ngày 28/12/2023 và Nghị định 72/2024/NĐ-CP ngày 01/07/2024 của Chính phủ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư số 8511552116 ngày 04 tháng 01 năm 2017 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk cấp, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ dự án đầu tư nhà máy thủy điện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn với thuế suất 10% trong 15 năm đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới và được miễn thuế trong 4 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế.

Năm 2024 là năm thứ 11 Công ty hưởng ưu đãi về thuế suất và năm thứ 7 được giảm 50% số thuế phải nộp đối với thu nhập từ dự án đầu tư Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	75.091.581.592	101.968.275.813
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.978.884.971	1.702.213.163
- Các khoản điều chỉnh giảm	(134.828)	(4.739.980.967)
Thu nhập tính thuế	77.070.331.735	98.930.508.009
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	15.414.066.347	19.786.101.602
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(7.383.651.373)	(9.891.278.025)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(3.691.825.686)	(4.945.639.013)
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.338.589.288	4.946.525.402
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	440.184.958	23.366.948
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	4.778.774.246	4.972.551.512

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước nguồn với giá tính thuế là giá bán điện thương phẩm bình quân, thuế suất là 5% và với mức giá chi tiết như sau:

- Từ ngày 08/11/2023 đến trước ngày 11/10/2024	2.006,79 VND/kWh
- Từ ngày 11/10/2024	2.103,1159 VND/kWh

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất đối với diện tích 753,2 m² đất đang sử dụng tại Thửa đất số 422 tờ bản đồ số 6, mặt tiền đường nội bộ quy hoạch rộng 14, phường Thành Nhất, thành phố Buôn Ma Thuột với mức 38.400 VND/ m² theo thông báo tiền thuê đất của Cơ quan thuế.

Phí dịch vụ môi trường rừng

Công ty phải nộp phí dịch vụ môi trường rừng cho hoạt động thủy điện với đơn giá là 36 VND/kWh.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐƠN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	5.547.929.142	10.225.325.065
Phí bảo lãnh vay vốn	196.929.478	314.420.327
Các chi phí thuộc các hạng mục khác - Công trình Nhà máy thủy điện	4.333.095.546	4.333.095.546
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	71.235.480	80.289.007
Cộng	10.149.189.646	14.953.129.945

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ tức phải trả	72.638.258	65.113.258
Công ty TNHH TM và XNK Hoàng Gia Phát	235.000.000	235.000.000
Thuế GTGT phải nộp chưa kê khai	2.463.255.267	2.334.625.209
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	-	24.383.494
Cộng	2.770.893.525	2.659.121.961

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk ⁽ⁱ⁾	73.681.022.197	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.18b)	171.641.500.740	159.675.440.000
- Ngân hàng Sumitomo Mitsui	149.166.738.000	142.330.440.000
- Ngân hàng TMCP TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	22.474.762.740	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk	-	17.345.000.000
Cộng	245.322.522.937	159.675.440.000

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn.

⁽ⁱ⁾ Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk theo các hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng số 24.85.1508/2024-HĐCVHM/NHCT502-BUONDON ngày 18/09/2024 để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động ngành điện. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay là 15 tỷ đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp máy móc biến áp tại Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với tổng giá trị tài sản cố định thế chấp là 11.000.000.000 VND theo Hợp đồng thế chấp số 24.85.1508.2024/HĐĐB/NHCT502 (xem thuyết minh số V.8);
- Hợp đồng số 24.85.2012/2024-HĐCVTL/NHCT502-BUONDON ngày 19/12/2024 để phục vụ sản xuất kinh doanh điện. Thời hạn vay là 12 tháng, hạn mức vay là 70 tỷ đồng, lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn theo hợp đồng cầm cố số 24.85.2012/2024/HĐĐB/NHCT502-BUONDON (xem thuyết minh số V.1).

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P. Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Vay ngắn hạn	Vay dài hạn đến hạn trả	Tổng cộng
Số đầu năm	-	159.675.440.000	159.675.440.000
Số tiền vay phát sinh trong năm	86.172.728.174	-	86.172.728.174
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	189.585.975.480	189.585.975.480
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm	-	6.836.298.000	6.836.298.000
Số tiền vay đã trả trong năm	(12.491.705.977)	(184.456.212.740)	(196.947.918.717)
Số cuối năm	73.681.022.197	171.641.500.740	245.322.522.937

18b. Vay dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Sumitomo Mitsui ⁽ⁱ⁾	74.123.451.000	213.056.820.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà ⁽ⁱⁱ⁾	14.855.548.524	-
Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk	-	37.330.311.264
Cộng	88.978.999.524	250.387.131.264

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng Sumitomo Mitsui để thanh toán các chi phí thực hiện đầu tư xây dựng dự án Nhà máy Thủy điện Srêpôk 4A với lãi suất theo lãi suất cho vay liên ngân hàng London (LIBOR) cộng lợi nhuận biên, thời hạn vay 14 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn 3 năm. Số tiền vay được hoàn trả định kỳ 6 tháng/lần, thanh toán lần đầu vào ngày 26 tháng 8 năm 2015.

Bộ Tài chính cam kết bảo lãnh khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Sumitomo Mitsui đối với toàn bộ số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc 64,200,000.00 USD theo Thư bảo lãnh do Bộ Tài chính phát hành ngày 15 tháng 5 năm 2012.

- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà được sử dụng để trả nợ trước hạn toàn bộ dư nợ gốc của khoản vay giữa Công ty và Tập đoàn ngân hàng Sumitomo Mitsui (SMBC), Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Đắk Lắk (HDBank) với lãi suất theo từng kế ước nhận nợ và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng trong suốt thời gian vay. Thời hạn vay tương đương thời hạn còn lại của các khoản vay tại SMBC và HDBank (đến hạn lần lượt trong năm 2026 và năm 2028).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	171.641.500.740	159.675.440.000
Trên 1 năm đến 5 năm	88.978.999.524	250.387.131.264
Cộng	260.620.500.264	410.062.571.264

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	Số tiền (VND)
Số đầu năm	250.387.131.264
Số tiền vay phát sinh trong năm	37.330.311.264
Số tiền vay đã trả	(14.855.548.524)
Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	5.703.081.000
Kết chuyển sang vay ngắn hạn	(189.585.975.480)
Số cuối năm	88.978.999.524

18c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	3.755.798.508	1.454.935.865	144.000.000	(2.542.659.449)	2.812.074.924
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	590.000.000	-	(590.000.000)	-
Cộng	3.755.798.508	2.044.935.865	144.000.000	(3.132.659.449)	2.812.074.924

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	655.403.460.000	10.824.284.000	5.254.120	210.126.247.474	876.359.245.594
Trả cổ tức bằng cổ phiếu từ lợi nhuận năm 2022	13.106.290.000	-	-	(13.106.290.000)	-
Trả cổ tức bằng tiền từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(65.534.010.602)	(65.534.010.602)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2022	-	-	-	(2.894.957.744)	(2.894.957.744)
Hoàn nhập quỹ khác vào lợi nhuận chưa phân phối	-	-	(5.254.120)	5.254.120	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	96.995.724.301	96.995.724.301
Số dư cuối năm trước	668.509.750.000	10.824.284.000	-	225.591.967.549	904.926.001.549
Số dư đầu năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	-	225.591.967.549	904.926.001.549
Trả cổ tức năm 2023	-	-	-	(66.850.975.000)	(66.850.975.000)
Trích quỹ từ lợi nhuận năm 2023	-	-	-	(2.044.935.865)	(2.044.935.865)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	70.312.807.346	70.312.807.346
Số dư cuối năm nay	668.509.750.000	10.824.284.000	-	227.008.864.030	906.342.898.030

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Chi tiết góp vốn theo cổ đông lớn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	207.241.820.000	207.241.820.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	167.130.500.000	167.130.500.000
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	100.278.300.000	100.278.300.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	33.426.090.000	33.426.090.000
Ông Nguyễn Văn Luận	62.056.220.000	60.258.990.000
Các cổ đông khác	98.376.820.000	100.174.050.000
Cộng	668.509.750.000	668.509.750.000

20c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	66.850.975	66.850.975
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	66.850.975	66.850.975

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 17/NQ-ĐHĐCĐ-BDHC ngày 24 tháng 4 năm 2024 như sau:

	<u>Số được phân phối</u>	<u>Số đã trích trong năm trước</u>	<u>Số đã trích trong năm nay</u>
Chia cổ tức cho cổ đông bằng tiền	66.850.975.000	-	66.850.975.000
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.454.935.865	-	1.454.935.865
Trích quỹ khen thưởng người quản lý	590.000.000	-	590.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền ngoại tệ chỉ có 73,94 USD (số đầu năm là 827,2 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện thương phẩm	293.503.070.534	341.393.566.139
Doanh thu bán tín chỉ carbon	2.638.864.581	2.757.315.586
Cộng	296.141.935.115	344.150.881.725

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn điện thương phẩm	183.447.996.926	191.300.726.979
Cộng	183.447.996.926	191.300.726.979

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	603.887.272	3.119.320.999
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.933.534.936	729.060
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	62.184	-
Cộng	4.537.484.392	3.120.050.059

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	27.185.960.449	37.100.971.117
Phí đại lý và phí bảo lãnh khoản vay	1.081.817.476	1.400.146.803
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	59.991.571	123.323
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	72.644
Cộng	28.327.769.496	38.501.313.887

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.569.689.691	6.637.642.788
Chi phí vật liệu quản lý	173.015.541	186.208.552
Chi phí đồ dùng văn phòng	297.324.986	248.752.717
Chi phí khấu hao tài sản cố định	274.104.481	208.028.292
Thuế, phí và lệ phí	105.410.240	107.340.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.665.003.793	3.222.328.158
Các chi phí khác	3.602.827.616	4.908.042.348
Cộng	13.687.376.348	15.518.342.855

6. Thu nhập khác

Thu nhập khác.

7. Chi phí khác

Là khoản tiền thuế bị phạt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70.312.807.346	96.995.724.301
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.054.692.110)	(1.454.935.865)
Trích thưởng quỹ thưởng Ban điều hành	(590.000.000)	(590.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	68.668.115.236	94.950.788.436
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	66.850.975	66.850.975
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.027	1.420

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.929.662.080	9.362.833.376
Chi phí nhân công	13.911.957.660	16.123.183.495
Chi phí khấu hao tài sản cố định	127.833.768.925	128.659.350.932
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.430.502.705	45.493.035.573
Chi phí khác	6.029.481.904	7.180.666.458
Cộng	197.135.373.274	206.819.069.834

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Công nợ mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến mua sắm tài sản cố định như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ứng trước tiền mua sắm tài sản cố định	300.000.000	399.000.000
Phải trả tiền mua sắm tài sản cố định	1.110.840.804	2.367.392.322

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Tiền lương, thưởng</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Năm nay			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	485.100.168	-	485.100.168
Các thành viên quản lý khác	968.352.253	36.000.000	1.004.352.253
Cộng	1.453.452.421	744.000.000	2.197.452.421
Năm trước			
Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	144.000.000	144.000.000
Các thành viên Hội đồng quản trị	-	336.000.000	336.000.000
Trưởng Ban kiểm soát	-	84.000.000	84.000.000
Các thành viên Ban kiểm soát	-	144.000.000	144.000.000
Giám đốc	476.331.902	-	476.331.902
Các thành viên quản lý khác	938.394.794	-	938.394.794
Cộng	1.414.726.696	708.000.000	2.122.726.696

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4	Cổ đông sở hữu 31% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2	Cổ đông sở hữu 25% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cổ đông sở hữu 15% vốn điều lệ

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác. Các giao dịch khác với các bên liên quan khác trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 4		
Chia cổ tức bằng tiền	20.724.182.000	20.317.507.260
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.062.949.900
Chi phí khảo sát thiết kế	291.666.667	760.290.111

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN BUÔN ĐÔN

Địa chỉ: Tầng 7, Khách sạn Biệt Điện, Số 01 đường Ngô Quyền, P.Thắng Lợi, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa 2

Chia cổ tức bằng tiền	16.713.050.000	16.385.086.500
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	3.276.572.500

Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại

Chia cổ tức bằng tiền	10.027.830.000	9.831.051.900
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	1.965.943.500

Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng trong lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Đắk Lắk, ngày 12 tháng 3 năm 2025

Lê Thị Kiều Vi
Người lập

Phạm Văn Tùng
Kế toán trưởng



Trương Hải Quang
Giám đốc

